

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN – KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN VÀNG DANH - VINACOMIN

TÀI LIỆU
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM 2016

Quảng Ninh, ngày 22 tháng 4 năm 2016

CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2015

Thời gian: 8h00' - ngày 22 tháng 04 năm 2016.

Địa điểm: Công ty Cổ phần than Vàng Danh - Vinacomin, số 85 Nguyễn Văn Cừ, Vàng Danh, Uông Bí, Quảng Ninh.

Thời gian		Nội dung chi tiết
Trước 8h00'		Đăng ký Đại biểu tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ
		Phát tài liệu và phiếu biểu quyết, phiếu thảo luận
Từ 8h00'		Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông
		Độc lời khai mạc đại hội và giới thiệu Đại biểu; Trình bày Quy chế tổ chức ĐH cổ đông
		Giới thiệu Chủ tọa cuộc họp
		Chỉ định Ban thư ký và đề xuất Ban kiểm phiếu
		Thông qua chương trình và nội dung cuộc họp
	1	Báo cáo của Ban Giám đốc về Kết quả SX-KD năm 2015; Kế hoạch và biện pháp quản lý điều hành SX-KD năm 2016
	2	Báo cáo hoạt động của HĐQT Công ty trong năm 2015, phương hướng nhiệm vụ HĐQT năm 2016
	3	Báo cáo giám sát hoạt động quản lý điều hành năm 2015 và Thẩm định báo cáo tài chính năm 2015 của Ban Kiểm soát Công ty
	4	Báo cáo tài chính tóm tắt năm 2014 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán BDO
	5	Thông qua phương án phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2015
	6	Báo cáo chi trả thù lao cho các thành viên HĐQT, BKS năm 2015 và kế hoạch chi trả năm 2016
	7	Thông qua đề xuất mức cổ tức năm 2016
	8	Báo cáo phương án phát hành cổ phiếu thưởng để tăng vốn điều lệ
	9	Báo cáo về việc vay vốn để hoạt động năm 2016
	10	Báo cáo về việc thay đổi nhân sự thành viên HĐQT giữa nhiệm kỳ
	11	Báo cáo về việc thay đổi nhân sự trong Ban Kiểm soát giữa nhiệm kỳ
	12	Báo cáo về việc sửa đổi điều lệ công ty
	13	Báo cáo về tỷ lệ sở hữu cổ phần của Nhà đầu tư nước ngoài
	14	Đề xuất Công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán báo cáo tài chính năm 2016 của Công ty
		Thảo luận các nội dung biểu quyết
		Trình bày Quy chế biểu quyết, hướng dẫn Biểu quyết và Biểu quyết
		Nghỉ giải lao
		Công bố kết quả biểu quyết
		Trình bày dự thảo Biên bản và Nghị quyết Đại hội
		Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội
		Tổng kết và tuyên bố bế mạc Đại hội

Số: 01 /BC- ĐHCĐ

Quảng Ninh, ngày 22 tháng 04 năm 2016

BÁO CÁO
THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM 2015
NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP ĐIỀU HÀNH NĂM 2016

Kính thưa: Các Quý vị cổ đông

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Than Vàng Danh – Vinacomin đã được đại hội đồng cổ đông thông qua;

Thực hiện chức trách nhiệm vụ Hội đồng quản trị giao, Giám đốc Công ty xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông kết quả sản xuất kinh doanh năm 2015, nhiệm vụ giải pháp điều hành sản xuất kinh doanh năm 2016 như sau:

Phần I

KẾT QUẢ SẢN XUẤT - KINH DOANH NĂM 2015

1. Tình hình chung

Kinh tế xã hội năm 2015 diễn ra trong bối cảnh thị trường toàn cầu có những bất ổn, kinh tế thế giới vẫn đối mặt với nhiều rủi ro lớn với các nhân tố khó lường. Ở trong nước, giá cả thị trường thế giới biến động, nhất là giá dầu giảm gây áp lực đến cân đối ngân sách Nhà nước nhưng đồng thời là yếu tố thuận lợi cho việc giảm chi phí đầu vào, phát triển sản xuất và kích thích tiêu dùng; lãi suất giảm mạnh, an sinh xã hội, phúc lợi xã hội tiếp tục được bảo đảm. Dự báo GDP của nước ta năm 2015 tăng 6,68% so với năm 2014 nhưng kinh tế vĩ mô vẫn chưa thực sự ổn định.

Tuy nhiên, tình hình tiêu thụ than của TKV còn nhiều khó khăn, đặc biệt là 6 tháng cuối năm 2015 do giá bán tiếp tục giảm, nguồn cung tăng, ảnh hưởng của giá dầu giảm sâu và các nguồn năng lượng khác thay thế dẫn đến đã ảnh hưởng trực tiếp tới Công ty.

Giá thành sản xuất Công ty tăng do khai thác ngày càng xuống sâu và vào xa làm phát sinh nhiều chi phí (các yếu tố này làm giá thành tăng bình quân 4-5%/năm); thuê và phí Nhà nước liên tục điều chỉnh tăng làm cho Công ty khó khăn trong việc điều hành chi phí, giảm hiệu quả sản xuất kinh doanh. Thời tiết quý III diễn biến khó lường, đặc biệt trận mưa lũ lịch sử từ ngày 26/7-5/8/2015 tại tỉnh Quảng Ninh đã gây thiệt hại nặng nề cho nhân dân vùng mỏ nói chung và công nhân lao động ngành Than nói riêng, sản xuất kinh doanh của TKV và Công ty bị đình trệ, làm cho tình hình lại càng khó khăn hơn.

2. Tình hình sản xuất của Công ty

Ngay từ đầu năm 2015, Công ty đã tích cực triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, với các giải pháp chỉ đạo điều hành quyết liệt, sự phối hợp của các đơn vị

trong Công ty, CNCB trong toàn Công ty đã đoàn kết nỗ lực chung sức vượt qua khó khăn để thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Tuy nhiên, do tình hình tiêu thụ than của TKV gặp khó khăn, đặc biệt là than vùng Uông Bí, nhu cầu thị trường giảm mạnh trong 6 tháng cuối năm 2015, Công ty đã chủ động giảm sản lượng sản xuất theo chỉ đạo của TKV và điều chỉnh lại một số chỉ tiêu chủ yếu cụ thể:

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch đầu năm 2015 (CV 6748)	Kế hoạch điều chỉnh 2015 (CV 5287)
- Than nguyên khai	1000t	3.495	3.250
+ Than lộ thiên	"	220	200
+ Than thuê thầu	"	325	275
- Bóc đất đá	1000m ³	2.420	2.206
- Than sạch sản xuất	1000t	2.997	2.787
- Than tiêu thụ (giao cho TKV)	1000t	2.996	2.790
- Doanh thu (tổng số)	Tr.đồng	3.388.448	3.136.691
+ Doanh thu sản xuất than	"	3.270.148	2.995.669
+ Doanh thu SXKD khác	"	118.300	140.992
- Lợi nhuận trước thuế	"	60.495	56.254

3. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu

3.1 Than nguyên khai sản xuất 3.303.864 tấn bằng 94,5% so với Nghị quyết của ĐHCĐ năm 2015, bằng 101,7% kế hoạch điều chỉnh và bằng 101,3 % so với năm 2014; trong đó:

- Than hầm lò sản xuất 2.810.028 tấn, bằng 95,3% so với nghị quyết của ĐHCĐ năm 2015, bằng 101,3% kế hoạch điều chỉnh và bằng 99,6% so với năm 2014;

- Than lộ thiên: 204.586 tấn, bằng 93% so với Nghị quyết của ĐHCĐ năm 2015, bằng 102,3% kế hoạch điều chỉnh và bằng 93,9% so với năm 2014;

- Than giao thầu: 289.250 tấn, bằng 89% so với Nghị quyết ĐHCĐ năm 2015, bằng 105,2% kế hoạch điều chỉnh và bằng 128,8% so với năm 2014;

3.2 Mét lò đào mới: 39.014m, bằng 96,9% so với Nghị quyết của ĐHCĐ năm 2015, bằng 101,1% kế hoạch điều chỉnh và bằng 98,2% so với năm 2014, trong đó:

- Mét lò CBSX: 33.446m, bằng 94,9% so với Nghị quyết ĐHCĐ năm 2015, bằng 101,2% kế hoạch điều chỉnh và bằng 99,2% so với năm 2014;

- Mét lò XDCB: 5.568 m, bằng 111% so với Nghị quyết ĐHCĐ năm 2015, bằng 100,3% kế hoạch điều chỉnh và bằng 92,7% so với năm 2014;

3.3 Than sạch sản xuất: 2.774.142 tấn, bằng 92,6% so với Nghị quyết ĐHCĐ năm 2015, bằng 99,5 % kế hoạch điều chỉnh và bằng 98,9% so với năm 2014;

3.4 Bóc đất đá lộ via: 2.252.532m³, bằng 93,1% so với Nghị quyết ĐHCĐ năm 2015, bằng 102,1% kế hoạch điều chỉnh và bằng 94,1% so với năm 2014.

3.5 Tiêu thụ than: 2.729.345 tấn, bằng 91,1% so với Nghị quyết ĐHCĐ năm 2015, bằng 97,8% kế hoạch điều chỉnh và bằng 91,8% so với năm 2014.

3.6 Doanh thu tổng số: 3.314.472 triệu đồng, bằng 97,8% so với Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2015, bằng 105,7% kế hoạch điều chỉnh và bằng 94,4% so với năm 2014.

Trong đó:

- Doanh thu than: 3.118.475 triệu đồng, bằng 95,4% so với Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2015, bằng 104,1% kế hoạch điều chỉnh và bằng 95,8 % so với năm 2014;

- Doanh thu khác: 195.998 triệu đồng, bằng 165,7% so với Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2015, bằng 139,0% kế hoạch điều chỉnh và bằng 76% so với năm 2014;

3.7 Giá thành và giá bán:

- Giá thành sản xuất: 984.509 đồng/ tấn; bằng 108,4 % so năm 2014

- Giá thành tiêu thụ: 1.113.841 đồng/ tấn; bằng 105,5 % so năm 2014;

- Giá bán bình quân: 1.142.572 đồng/ tấn; bằng 104,4% so năm 2014;

3.8 Tiền lương và thu nhập:

- Quỹ lương thực hiện: 782.548,7 triệu đồng, bằng 99,89 % so với năm 2014;

- Thu nhập lương bình quân: 10.515.000 đồng/người-tháng, bằng 100,5% so Nghị quyết ĐHĐCĐ (10.462.000 đồng/người-tháng), bằng 101 % so với năm 2014.

- Lao động sử dụng bình quân trong năm: 6.202 người/KH 6.372 người, bằng 97,3 % so kế hoạch; Tổng số lao động thực tế tại thời điểm 31/12/2015 là 6.141 người, so với thời điểm 31/12/2014 là 6.247 người, giảm 106 người.

3.9 Hiệu quả sản xuất kinh doanh:

- Công ty đã tiến hành thuê kiểm toán độc lập thực hiện chế độ kiểm toán theo quy định. Lợi nhuận trước thuế: 73.571 triệu đồng, bằng 121,6 % so với Nghị quyết của năm ĐHĐCĐ năm 2015, bằng 60,67% so với năm 2014;

- Nộp ngân sách: 560,97/459,95 tỷ đồng, bằng 121,9 % so với năm 2014.

3.10 Công tác đầu tư: Giá trị thực hiện ĐTXD: 694.759/894.835 tỷ đồng bằng 77,6% kế hoạch năm và bằng 154,9% với năm 2014.

3.11 Một số công việc khác.

- Ngay từ đầu năm, Công ty đã tập trung triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được ĐHĐCĐ thông qua; đề ra cơ chế điều hành và các giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015; tổ chức ký hợp đồng cam kết trách nhiệm giữa Giám đốc Công ty với thủ trưởng các đơn vị trong Công ty với quyết tâm hoàn thành toàn diện các chỉ tiêu mà ĐHĐCĐ thông qua;

- Thực hiện nhiều giải pháp quản lý kỹ thuật, điều hành sản xuất, tiêu thụ sản phẩm; quản trị chi phí, quản lý vật tư, lao động tiền lương, kế toán thống kê, quản lý dòng tiền; sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện một số quy chế liên quan đến quản lý của Công ty phù hợp với điều kiện thực tế của Công ty và quy định của Tập đoàn, của Nhà nước.

- Thực hiện kiểm tra thường xuyên công tác quản lý, bảo vệ tài nguyên ranh giới mỏ. Công ty đã phối hợp với các cấp chính quyền địa phương tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch phối hợp giữa Tập đoàn với UBND tỉnh Quảng Ninh phù hợp với tình hình mới.

*** Nguyên nhân một số chỉ tiêu không hoàn thành kế hoạch theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đề ra.**

Tình hình tiêu thụ than vùng Uông Bí của Tập đoàn TKV gặp khó khăn, trong đó có Công ty CP than Vàng Danh, sản lượng than tiêu thụ giảm mạnh, đặc biệt là trong 6 tháng cuối năm tiêu thụ rất chậm, Công ty đã phải chủ động điều hành giảm sản lượng sản xuất từ 3.495.000 tấn xuống 3.300.000 tấn (theo chỉ đạo của TKV) trên nguyên tắc đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh ở mức cao nhất có thể, đảm bảo việc làm và thu nhập của người lao động. Do việc giảm sản lượng sản xuất, tiêu thụ than giảm, tồn kho tăng, doanh thu giảm, đã làm cho giá thành tăng, hiệu quả sản xuất kinh doanh giảm sút, lợi nhuận giảm so với năm 2014.

Phần II

KẾ HOẠCH VÀ BIỆN PHÁP QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH SX-KD NĂM 2016

1. Tình hình chung

Dự báo năm 2016, kinh tế Việt Nam có mức phục hồi cao hơn với nhiệm vụ đặt ra mức tăng trưởng GDP 6,7%. Trong điều kiện giá dầu sụt giảm hiện nay các bộ ngành đang phối hợp đề xuất các giải pháp điều hành kinh tế vĩ mô phù hợp; yêu cầu cải thiện môi trường kinh doanh được Thủ tướng chỉ đạo quyết liệt và sẽ có chuyển biến trên hầu hết tiêu chí trong năm 2016, đặc biệt là khó khăn cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp sẽ được tập trung tháo gỡ. Lạm phát dự báo không quá 4,5%. Tình hình sản xuất kinh doanh của Tập đoàn còn khó khăn, giá bán giảm, thuế và phí tăng cao, đặc biệt là thị trường xuất khẩu đang mất dần do Chính phủ chỉ đạo không xuất khẩu than cám làm cho lợi nhuận của Tập đoàn giảm mạnh, thu nhập của thợ lò vì thế cũng chậm được cải thiện.

2. Đối với Công ty:

Dự báo tình hình tiêu thụ than của Tập đoàn năm 2016 vẫn chậm và khó khăn hơn năm 2015, đặc biệt là than vùng Uông Bí nhu cầu tiêu thụ của thị trường thấp, ảnh hưởng trực tiếp đến tiêu thụ của Công ty, đặc biệt là những tháng đầu năm 2016, than tồn kho tăng cao, việc cân đối doanh thu- chi phí rất khó khăn.

Năm 2016, sản lượng khai thác phần lò bằng giảm, chủ yếu tập trung sản xuất ở 2 khu vực Giếng Vàng Danh, Giếng Cánh gà; Diện sản xuất xuống sâu hơn và xa hơn; điều kiện về thông gió, bơm thoát nước, vận tải,... khối lượng phát sinh tăng cao làm tăng chi phí, giá thành; việc áp dụng công nghệ mới vào sản xuất để tăng năng suất lao động, đặc biệt lò khu Giếng Cánh gà gặp khó khăn do điều kiện địa chất phức tạp; thời tiết dự báo diễn biến phức tạp khó lường; chi phí bảo vệ môi trường, thuế, phí,... ngày càng tăng; Tập đoàn yêu cầu tiết giảm 06%/tổng chi phí, ứng với giá trị tiết giảm 168,2 tỷ đồng (tăng 01% so với 2015), sẽ khó khăn cho việc điều hành thực hiện kế hoạch SXKD năm 2016.

3. Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2016:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH năm 2016	Ghi chú
1	Than nguyên khai	Tấn	3.100.000	
	- Than lộ thiên	"	150.000	
	- Than hầm lò	"	2.750.000	
	- Than giao thầu	"	200.000	
2	Than sạch	"	2.715.000	
3	Mét lò mới	Mét	36.530	

	- Lò CBSX	"	31.800	
	- Lò XDCB	"	4.730	
4	Mét lò xén	Mét	5.900	
5	Bóc đất đá	m³	1.650.000	
	<i>Tr.đó - Tự làm</i>	"	560.000	
	<i>- Thuê ngoài</i>	"	1.090.000	
6	Than tiêu thụ	Tấn	2.715.000	
7	Doanh thu than	Tr.đ	2.998.642	
8	Lợi nhuận	Tr.đ	19.018	
9	Đầu tư XDCB	Tr.đ	1.023.205	
10	Lao động bình quân	Người	6.086	
	- Tiền lương bình quân	1000đ/ng/th	10.586	
11	Cổ tức dự kiến	%	5-7	

Do tình hình tiêu thụ khó khăn, than tồn kho cao làm tăng chi phí, do đó Công ty xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm ở mức hợp lý, phù hợp với điều kiện và tình hình thực tế tại thời điểm hiện nay. Trong năm, nếu điều kiện tiêu thụ thuận lợi thì bộ máy điều hành sẽ có các phương án thúc đẩy SXKD có hiệu quả để đảm bảo lợi nhuận, cổ tức ở mức tốt nhất.

4. Các chỉ tiêu đầu tư, duy trì sản xuất:

Chỉ đạo quyết liệt với các giải pháp đồng bộ để thực hiện đảm bảo tiến độ và hiệu quả kế hoạch đầu tư năm 2016, đặc biệt đẩy nhanh tiến độ thi công dự án giếng Vàng Danh mức -175 để đến cuối năm 2017 kết thúc đầu tư XDCB, Nhà máy sàng tuyển Vàng Danh II đến cuối năm 2016 hoàn thành đưa vào sử dụng; hoàn thiện các thủ tục dự án đầu tư trụ sở Công ty tại Uông Bí, phần đầu đến quý II/2016 khởi công dự án.

Giá trị đầu tư theo kế hoạch: 1.058.870 triệu đồng, trong đó:

- + Xây lắp: 447.406 triệu đồng
- + Thiết bị: 584.330 triệu đồng
- + Chi phí tư vấn và chi phí khác: 27.134 triệu đồng.

- Tiếp tục làm việc với Tập đoàn, với các cơ quan chức năng để giải quyết các vướng mắc còn tồn tại về giấy phép thăm dò, khai thác mỏ. phối hợp với các đơn vị tư vấn hoàn thiện hồ sơ báo cáo cấp có thẩm quyền thực hiện điều chỉnh, quyết toán dự án giếng Cánh gà.

- Nâng cao chất lượng giám sát, nghiệm thu, kiểm soát tiến độ, chất lượng thi công các công trình xây dựng đảm bảo đúng kế hoạch, tiến độ và hiệu quả của dự án. Thực hiện đúng và đầy đủ các thủ tục trình tự đầu tư theo quy định của pháp luật.

5. Các giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch năm 2016:

5.1 Giải pháp về điều hành sản xuất:

Tiếp tục đổi mới cải tiến phương pháp điều hành, cơ giới hóa tối đa những công việc có thể áp dụng được, tăng cường công tác kiểm tra để kiểm soát toàn bộ hoạt động sản xuất. Nâng cao năng lực điều hành

cho đội ngũ cán bộ chỉ huy trực tiếp. Rà soát, lập bổ sung hoàn thiện quy trình làm việc cho tất cả các công việc trong toàn Công ty.

Rà soát lại dây chuyền sản xuất, tìm các giải pháp thiết lập lại, cải tiến hướng vào gọn nhẹ càng hiệu quả.

Để đảm bảo sản xuất được ổn định, ngay từ đầu năm phải bám sát nhu cầu thị trường để đẩy nhanh công tác tiêu thụ, phấn đấu đảm bảo sản lượng than sản xuất tiêu thụ trong năm.

Tổ chức sản xuất, kỷ luật lao động ở các đơn vị phải được xiết chặt ngay từ đầu năm.

5.2 Giải pháp về công nghệ:

Rà soát chi tiết tất cả các khâu công nghệ để tìm ra tồn tại, thiết lập lại và chỉ đạo các đơn vị thực hiện nghiêm túc các chu kỳ, trình tự, lịch trình sản xuất để đạt được năng suất cao.

Chủ động nghiên cứu và phối hợp với các cơ quan Tư vấn lựa chọn công nghệ trong khai thác, đào lò, vận tải, có tính tiên tiến hơn, phù hợp với điều kiện thực tế của Công ty (phân đấu cuối quý IV/2016 sẽ lắp đặt hoàn thiện tổ hợp lò chợ cơ giới hóa công suất 450.000 tấn/năm).

Tổ chức giao khoán tài nguyên cho các các đơn vị khai thác.

Khảo sát chi tiết hiện trường trước khi tiến hành lập biện pháp kỹ thuật thi công đảm bảo phương án đưa ra là tối ưu nhất đảm bảo: An toàn, năng suất, tiết kiệm, hiệu quả.

5.3 Giải pháp công tác đầu tư:

Tập trung sắp xếp lại công tác quản lý và tổ chức thực hiện đầu tư một cách hệ thống từ con người, hồ sơ cách thức theo đúng phân cấp quản lý và đồng bộ ở tất cả các bộ phận liên quan.

Năm 2016 tập trung vào các dự án:

Ưu tiên mọi nguồn lực cho các dự án đầu tư khai thác phần lò giếng mức +00 ÷ -175 khu Vàng Danh, dự án Nhà máy sàng tuyển Vàng Danh II; triển khai khởi công dự án Nhà điều hành tại Uông Bí vào quý II năm 2016, tập trung chỉ đạo thực hiện đảm bảo tiến độ và chất lượng các dự án theo kế hoạch, đảm bảo hiệu quả của dự án.

- Dự án đầu tư khai thác phần lò giếng mức +00 -175 khu Vàng Danh, mỏ than Vàng Danh, Công ty than Vàng Danh: Hoàn thành các hạng mục xây lắp mặt bằng và lắp đặt thiết bị trong lò như: Lắp đặt tuyến băng tải giếng chính B1200, lắp đặt tời chở người tại khu vực Giếng Vàng Danh; xây dựng và lắp đặt các tuyến vận tải bằng băng tải trong lò để thay thế dần công nghệ vận tải bằng máng cào; lắp đặt hoàn thiện hệ thống hầm bơm mức -175 để đảm bảo thoát nước kịp thời trong mùa mưa bão sắp tới hoàn thành các hạng mục đào lò xây dựng cơ bản, đưa lò chợ cơ giới hóa đồng bộ chợ I-8-1 khu giếng Vàng Danh mức -175.... và mua sắm thiết bị của dự án.

- Dự án Đầu tư khai thác phần lò giếng khu cánh gà, mỏ than Vàng Danh, Công ty than Vàng Danh: Làm các thủ tục, báo cáo các cơ quan có thẩm quyền để điều chỉnh, quyết toán hoàn thành công trình;

- Dự án Nhà máy tuyển than Vàng Danh II: Đẩy nhanh tiến độ triển khai thi công xây dựng nhà máy để đến cuối năm 2016 hoàn thành đưa vào vận hành chạy thử.

- Các dự án khác: Thực hiện đầu tư theo kế hoạch ĐTXD năm 2016.

5.4 Giải pháp về đời sống lao động và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp:

Thực hiện tốt các giải pháp đưa đón CBCNV từ nơi ở đến vị trí làm việc. Duy trì tốt việc chăm sóc người lao động từ ăn định lượng, tắm giặt, vui chơi, giải trí, thăm quan, nghỉ dưỡng và khám chữa bệnh.

Làm tốt công tác từ thiện giúp đỡ những gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn: Xây dựng các nhà tình nghĩa và tặng các phần quà cho người nghèo nhân ngày tết cổ truyền của dân tộc.

Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương, các cơ quan doanh nghiệp trên địa bàn trong các hoạt động cộng đồng tạo một sự gắn kết và phát triển hài hoà.

Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chức năng bảo vệ và thực thi pháp luật của các cấp, tạo ra một sự đồng bộ đảm bảo an ninh trật tự trong khai trường, trong sản xuất kinh doanh và chính trị nội bộ.

Trên đây là toàn bộ những nội dung Báo cáo về Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2015 và nhiệm vụ, giải pháp điều hành năm 2016 của Công ty, xin trân trọng báo cáo trước Đại hội./.

Nơi nhận:

- Cổ đông của Công ty;
- Ủy viên HĐQT, Ban Kiểm soát;
- Phòng CD (Đăng trên Wetsite);
- Lưu VT, HĐQT.

Giám đốc

Phan Xuân Thủy

Số: 02/BC- ĐHCĐ

Quảng Ninh, ngày 22 tháng 04 năm 2016

BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2015,
PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NĂM 2016

Kính gửi: Các Quý vị Cổ đông

Căn cứ chức năng quyền hạn của HĐQT được quy định tại Điều lệ Tổ chức Hoạt động của Công ty Cổ phần Than Vàng Danh- Vinacomin và Luật Doanh nghiệp số: 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014, HĐQT Công ty xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông hoạt động của HĐQT Công ty trong năm 2015, phương hướng nhiệm vụ HĐQT năm 2016 như sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT TRONG NĂM 2015:

Năm 2015, Hội đồng Quản trị Công ty đã thực hiện đúng và đầy đủ chức trách, nhiệm vụ của mình theo quy định của Luật và Điều lệ Công ty. Trong năm Hội đồng Quản trị đã thực hiện 25 lần tổ chức họp và lấy ý kiến bằng văn bản, ban hành 25 Nghị quyết liên quan đến sản xuất kinh doanh, công tác đầu tư và các lĩnh vực khác thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng Quản trị. Các kỳ họp Hội đồng Quản trị đều được chuẩn bị kỹ về nội dung, đảm bảo trình tự, đúng nguyên tắc, bám sát tình hình thực tế sản xuất kinh doanh của Công ty để đưa ra các quyết định kịp thời cho Giám đốc Công ty triển khai thực hiện theo mục tiêu Đại hội đồng cổ đông đề ra. (phụ lục các cuộc họp HĐQT kèm theo).

Về nhiệm vụ giám sát của Hội đồng Quản trị:

- Hội đồng Quản trị đã tăng cường công tác giám sát hoạt động của Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý khác nhằm đảm bảo hoạt động của Công ty được an toàn, tuân thủ theo quy định của pháp luật, triển khai thực hiện đúng Nghị quyết của Đại hội cổ đông và HĐQT đề ra. Ngoài ra, HĐQT còn chú trọng công tác quản trị rủi ro, triển khai đồng thời việc tiêu chuẩn hóa các quy trình, quy chế quản trị; tăng cường kiểm tra giám sát việc thực thi các quy trình quy chế này trong mọi hoạt động của Công ty.

- Ban lãnh đạo, cán bộ phụ trách các phòng ban, bộ phận trực thuộc đã tiến hành nghiêm túc việc kiểm tra định kỳ, đột xuất nên đã không xảy ra thiệt hại về mặt vật chất, sai phạm trong công tác, hạn chế đến mức thấp nhất việc lãng phí, cũng như các rủi ro tác nghiệp.

* **Tóm lại:** Năm 2015, Hội đồng Quản trị Công ty đã cơ bản hoàn thành nhiệm vụ Đại hội cổ đông giao, các thành viên HĐQT đã phát huy hết khả năng, năng lực của mình, thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng nhằm đảm bảo tối đa lợi ích hợp pháp của Công ty, của cổ đông.

II. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ CỦA HĐQT TRONG NĂM 2016.

Trên cơ sở nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông giao và điều kiện sản xuất thực tế của Công ty, Hội đồng Quản trị Công ty đề ra phương hướng nhiệm vụ năm 2016, cụ thể như sau:

1. Chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh đạt các chỉ tiêu như trong phương hướng đã nêu.
2. Tập trung, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án Đầu tư xây dựng theo kế hoạch ĐTXD năm 2016.
3. Tập trung đầu tư và chỉ đạo kiên quyết giữ vững an toàn trong sản xuất;
4. Tiếp tục sắp xếp hoàn thiện cơ cấu tổ chức sản xuất theo hướng gọn nhẹ, phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty, tái cấu trúc theo chủ trương của TKV, đồng thời phải xây dựng kế hoạch đào tạo cụ thể, có cơ chế khuyến khích phù hợp, tạo môi trường thuận lợi để thu hút nguồn nhân lực có chất lượng cao đáp ứng kịp thời quá trình phát triển lâu dài của Công ty.
5. Rà soát và sửa đổi, bổ sung Quy chế quản lý theo đúng quy định của Nhà nước và pháp luật... Tăng cường áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào việc quản lý sản xuất để tiết giảm chi phí trên cơ sở quản lý sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, tiết kiệm vật tư, nâng cao năng suất lao động, tăng cường quản trị tài nguyên, chất lượng sản phẩm.
6. Tiếp tục duy trì và phát triển văn hóa theo hướng hiện đại gắn với kỷ luật đồng tâm, truyền thống vượt khó, tăng cường mở rộng mối quan hệ với các cấp Chính quyền địa phương góp phần xóa đói, giảm nghèo, phát triển nguồn nhân lực.

Trên đây là toàn bộ nội dung Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2015, phương hướng năm 2016, Hội đồng Quản trị xin báo cáo Quý vị cổ đông.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Cổ đông của Công ty;
- Ủy viên HĐQT, Ban Kiểm soát;
- Phòng CD (Đăng trên Wetsite);
- Lưu VT, HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Phạm Trung Tuấn

CÁC CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
(kèm theo báo cáo hoạt động của HĐQT)

STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	Số: 01/2015/NQ-HĐQT	12/01/2015	Thông qua đề Giám đốc Công ty quyết định xử lý kỷ luật đối với ông Nguyễn Văn Hải - Quản đốc phân xưởng Đ1. - Hình thức kỷ luật: Kéo dài thời gian nâng lương không quá 06 tháng. - Lý do: Công tác tuyên truyền giáo dục hướng dẫn biện pháp an toàn lao động trong phân xưởng chưa hiệu quả; công tác kiểm tra giám sát chỉ đạo sản xuất chưa sâu sát, chưa kịp thời phát hiện nguy cơ gây tai nạn lao động và có biện pháp khắc phục đảm bảo an toàn.
2	Số: 02/2015/NQ-HĐQT	19/01/2015	- Phê duyệt điều chỉnh và bổ sung kế hoạch lựa chọn nhà thầu một số gói thầu, thuộc dự án đầu tư khai thác phần lò giềng khu Cánh gà, mỏ than Vàng Danh, Công ty than Vàng Danh; - Thông qua việc sửa đổi quy chế trả lương trong Công ty Cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin.
3	Số: 03/2015/NQ-HĐQT	03/02/2015	- Phê duyệt điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu số 04a: vận tải qua giếng nghiêng phụ - Phần kiến trúc ngoài mặt bằng; gói thầu số 04b vận tải qua giếng nghiêng phụ - phần lắp đặt thiết bị trong lò; bổ sung gói thầu giám sát thi công lắp đặt hệ thống vận tải qua giếng nghiêng phụ tuộc dự án đầu tư khai thác phần lò giềng khu Cánh gà, Mỏ than Vàng Danh, Công ty than Vàng Danh; - Phê duyệt điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án đầu tư xây dựng công trình Nhà máy sàng tuyển than Vàng Danh 2 - Công ty Cổ phần Than Vàng Danh .
4	Số: 04/2015/NQ-HĐQT	03/03/2015	Thông qua Công tác tổ chức và cán bộ của Công ty như sau: 1. Thành lập phân xưởng khai thác hầm lò số 15, viết tắt là "KT15". 2. Điều động ông Nguyễn Đức Nghiệp - Quản đốc phân xưởng K10 sang giữ chức vụ Quản đốc phân xưởng KT15; 3. Điều động và bổ nhiệm giữ chức vụ Quản đốc phân xưởng K10 đối với ông Vương Minh Thu - Phó phòng ĐTM. 4. Bổ nhiệm lại chức vụ Quản đốc phân xưởng K13 đối với ông Nguyễn Đức Thế; 5. Bổ nhiệm lại chức vụ Trưởng phòng Vật tư đối với ông

STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
			Vũ Ngọc Thu.
5	Số: 05/2015/NQ-HĐQT	06/03/2015	- Phê duyệt điều chỉnh gói thầu số 15: Tời dây chở người thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu, dự án đầu tư khai thác phần lò giếng mức +0 ÷ -175 khu Vàng Danh, Mỏ than Vàng Danh; - Phê duyệt bổ sung kế hoạch lựa chọn nhà thầu một số gói thầu cho dự án đầu tư khai thác phần lò giếng mức +0 ÷ -175 khu Vàng Danh, Mỏ than Vàng Danh; - Thông qua Kế hoạch vay vốn trung hạn và dài hạn năm 2015 của Công ty: 1. Nhu cầu vay vốn ngắn hạn (vốn lưu động) năm 2015: Nhu cầu vốn lưu động bình quân 01 tháng : 189 tỷ đồng 2. Nhu cầu vốn trung và dài hạn năm 2015 : 1.151 tỷ đồng, trong đó: - Vay cho đầu tư: 780 tỷ đồng; - Vay trả tiền cấp quyền khai thác khoáng sản : 371 tỷ đồng; - Phê duyệt quỹ lương thực hiện năm 2014; 1. Quỹ lương thực hiện của Công ty năm 2014; 2. Quỹ lương thực hiện của các viên chức quản lý Công ty; - Thù lao kiêm nhiệm của Hội đồng quản trị: Trả bằng 20% mức tiền lương thực hiện của viên chức quản lý tương ứng; - Thông qua kế hoạch sử dụng lao động, đơn giá tiền lương, tiền lương viên chức quản lý, thù lao các thành viên HĐQT, BKS Công ty năm 2015; - Thông qua kế hoạch sử dụng quỹ khen thưởng năm 2015;
6	Số: 06/2015/NQ-HĐQT	30/03/2015	- Phê duyệt bổ sung gói thầu Lập báo cáo đánh giá khả năng cơ giới hóa lò chợ và xem xét công suất của dự án: Đầu tư khai thác phần lò giếng khu Cánh Gà, Mỏ than Vàng Danh - Công ty than Vàng Danh; - Phê duyệt điều chỉnh bổ sung gói thầu số 21: Thi công xây lắp các hạng mục hầm lò dở dang tính đến thời điểm 30/04/2015 thuộc dự án đầu tư khai thác phần lò giếng mức +0 ÷ -175 khu Vàng Danh, mỏ than Vàng Danh; - Thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh quý II năm

STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
			2015; - Thông qua Quy chế Tổ chức và hoạt động Kiểm toán nội bộ Công ty Cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin;
7	Số: 07 /2015/NQ-HĐQT	02/04/2015	- Thông qua để Giám đốc Công ty quyết định bổ nhiệm lại chức vụ quản đốc phân xưởng Chế biến than đối với ông Bùi Đình Hợp - Thông qua để Giám đốc Công ty quyết định kéo dài thời gian bổ nhiệm lần trước đến ngày 30/06/2015 đối với ông Phạm Văn Chương - Quản đốc phân xưởng KT11; - Thông qua đề xuất nhân sự đề báo cáo TKV xin chủ trương bổ nhiệm chức danh Phó Giám đốc Công ty;
8	Số: 08 /2015/NQ-HĐQT	21/05/2015	- Thông qua Quy chế tuyển dụng lao động trong Công ty Cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin - Giải quyết chế độ hưu trí đối với ông Phùng Đình Hòa - Phó Giám đốc Công ty + Thời gian nghỉ chờ giải quyết chế độ hưu trí từ ngày 01/08/2015 đến ngày 31/08/2015 và quyết định nghỉ hưu trí kể từ ngày 01/09/2015; - Phê duyệt tạm thời áp dụng hệ thống thang lương, bảng lương theo Nghị định số 205/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ để làm cơ sở xếp lương, ký hợp đồng lao động và thực hiện các chế độ khác đối với người lao động trong Công ty .
9	Số: 09 /2015/NQ-HĐQT	20/05/2015	- Phê duyệt bổ sung Kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu: Hệ thống Mô nô ray, thuộc dự án: Đầu tư khai thác phần lò giềng mức +00÷-175 Khu Vàng Danh-Mỏ than Vàng Danh;
10	Số: 10 /2015/NQ-HĐQT	06/06/2015	- Bổ nhiệm Ông Vương Minh Thu – Quản đốc phân xưởng đào lò số 10 (K10) giữ chức vụ Phó Giám đốc Công ty Cổ phần than Vàng Danh – Vinacomin ; - Thông qua để Giám đốc Công ty quyết định bổ nhiệm giữ chức vụ Quản đốc phân xưởng VTG-1 đối với ông Trịnh Viết Bảo (thay ông Nguyễn Mạnh Hồ - Quản đốc phân xưởng VTG-1 nghỉ chế độ hưu trí).
11	Số: 11 /2015/NQ-HĐQT	09/06/2015	- Thông qua để Giám đốc Công ty ban hành danh sách quy hoạch cán bộ các chức danh của Công ty - Thông qua để Giám đốc Công ty quyết định bổ nhiệm giữ chức vụ Quản đốc phân xưởng K10 đối với ông Phùng Trung Ninh (thay ông Vương Minh Thu - Quản đốc phân xưởng K10 được điều động, bổ nhiệm chức vụ mới).

STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
12	12/2015/NQ-HĐQT	03/07/2015	Phê duyệt bổ sung kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu: Tủ phân phối 6 KV phòng nổ (12 cái) vào kế hoạch lựa chọn nhà thầu của dự án đầu tư khai thác phần lò giềng khu Cánh gà - Mỏ than Vàng Danh - Công ty Than Vàng Danh; - Phê duyệt điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu số 20: Máy cấp liệu lắ, thuộc dự án Đầu tư khai thác phần lò giềng mức +0/-175 khu Vàng Danh, Mỏ than Vàng Danh; - Thông qua quy chế lãnh đạo giữa Đảng ủy với Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty Cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin; - Thông qua công tác cán bộ của Công ty: + Bổ nhiệm lại chức vụ Quản đốc phân xưởng KT 11 đối với ông Phạm Văn Chương; + Bổ nhiệm lại chức vụ quản đốc phân xưởng KT 4 đối với ông Đặng Văn Khá.
13	13 /2015/NQ-HĐQT	29/07/2015	- Phê duyệt điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu một số gói thầu mua sắm Áp tô mát phòng nổ các loại thuộc dự án đầu tư khai thác phần lò giềng mức +0/-175 khu Vàng Danh, Mỏ than Vàng Danh; - Phê duyệt điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu số 14: Tời trục vật liệu, thuộc dự án đầu tư cải tạo mở rộng khai thác hầm lò tầng lò giềng mức +105/+0 khu Trung tâm Vàng Danh, Mỏ than Vàng Danh (điều chỉnh); - Phê duyệt điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu số 02c: Xây dựng hệ thống cung cấp điện thuộc dự án đầu tư khai thác phần lò giềng khu Cánh gà, Mỏ than Vàng Danh, Công ty than Vàng Danh; - Thông qua Quy chế quản lý công tác vật tư trong Công ty Cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin
14	12.1/2015/NQ-HĐQT	05/08/2015	Để khắc phục hậu quả do mưa, lũ gây ra từ ngày 26/07/2015 đến ngày 05/08/2015. Hội đồng quản trị phê duyệt Chi định thầu cho Công ty XDM Hầm lò - TKV thực hiện các công việc sau: - Thi công xây dựng, lắp đặt hệ thống ống đẩy từ hầm bơm mức -10 lên cửa lò +122 thuộc dự án đầu tư phần lò giềng mức +0 ÷ -175 khu Vàng Danh, mỏ than Vàng Danh. - Thi công xây dựng, lắp đặt tại thượng vận chuyển +122 ÷ -10 (gồm xây dựng và lắp đặt thiết bị tời trục tại hầm đầu

STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
			trục +122 và hệ thống đường trục +122 ÷ -10) - Phê duyệt Chi định thầu cho Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Than Uông Bí thực hiện công tác giám sát các nội dung công việc do Công ty Xây dựng mỏ Hàm lò 2 thi công.
15	14/2015/NQ-HĐQT	07/08/2015	Bổ nhiệm ông Vương Minh Thu - Phó Giám đốc Công ty, đồng thời giữ chức vụ Giám đốc điều hành mỏ khu vực lò giếng Cánh gà từ mức +122 đến mức -50 thuộc Công ty Cổ phần Than Vàng Danh (theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 2794/GP-BTNMT ngày 31/12/2008 (thay ông Phùng Đình Hòa nghỉ chờ giải quyết chế độ hưu trí).
16	15/2015/NQ-HĐQT	13/08/2015	- Phê duyệt điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu một số 05: Thi công cầu, hệ thống đường sắt và thông tin tín hiệu sân ga đường sắt, thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình Nhà máy sàng tuyển than Vàng Danh 2 - Công ty Cổ phần Than Vàng Danh - TKV (điều chỉnh); - Phê duyệt điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu số 15: Băng tải B1000 (02 bộ) L1=610m, P=180kW và L2=65m, P=37kW) có liên động tự động hóa điều khiển tuyến vận tải băng tải, thuộc dự án: Đầu tư khai thác phần lò giếng mức +0÷-175 khu Vàng Danh, Mỏ than Vàng Danh; - Phê duyệt điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu Tủ phân phối 6kV phòng nổ (12 cái) thuộc dự án đầu tư khai thác phần lò giếng khu Cánh Gà, Mỏ than Vàng Danh - Công ty than Vàng Danh;
17	16/2015/NQ-HĐQT	09/09/2015	- Thông qua đề Giám đốc Công ty quyết định bổ nhiệm lại chức vụ quản đốc phân xưởng K8 đối với ông Vũ Văn Thân; - Thông qua đề Giám đốc Công ty quyết định bổ nhiệm lại chức vụ Trưởng phòng An toàn đối với ông Nguyễn Văn Nguyên.
18	17/2015/NQ-HĐQT	18/09/2015	Phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện dự án đầu tư khai thác phần lò giếng mức +0 ÷ -175 khu Vàng Danh - Mỏ than Vàng Danh, cụ thể như sau: - Thời gian khởi công: 9/06/2009; - Thời gian hoàn thành: Hết năm 2017.
19	18/2015/NQ-HĐQT	01/10/2015	- Phê duyệt kết quả SXKD 09 tháng đầu năm, thông qua Kế hoạch Quý IV, tháng 10, 11, 12 năm 2015; thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016;

STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
			Thông qua kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2015 điều chỉnh: * Theo kế hoạch đã được Hội đồng quản trị Công ty thông qua ngày 24/12/2014: Tổng mức đầu tư: 894.835 triệu đồng <i>Trong đó:</i> + Xây lắp : 382.081 triệu đồng; + Thiết bị : 493.187 triệu đồng; + Quản lý, tư vấn, GPMB ... : 19.568 triệu đồng * Kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2015 điều chỉnh: Tổng mức đầu tư : 774.117 triệu đồng <i>Trong đó:</i> - Xây lắp : 368.721 triệu đồng; - Thiết bị : 379.853 triệu đồng; - Quản lý, tư vấn, GPMB ... : 25.543 triệu đồng - Thông qua kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2016: Tổng mức đầu tư : 1.058.254 triệu đồng <i>Trong đó:</i> + Xây lắp : 447.406 triệu đồng; + Thiết bị : 584.243 triệu đồng; + Quản lý, tư vấn, GPMB ... : 26.605 triệu đồng - Thông qua công tác tổ chức và cán bộ của Công ty: + Đổi tên phòng Điều độ sản xuất thành phòng Điều khiển sản xuất - viết tắt là "ĐK". + Bổ nhiệm lại chức vụ quản đốc phân xưởng K6 đối với ông Nguyễn Hồng Hải. + Bổ nhiệm lại chức vụ quản đốc phân xưởng phục vụ đối với ông Nguyễn Xuân Huân; + Bổ nhiệm lại chức vụ quản đốc phân xưởng đời sống đối với ông Phạm Văn Tân
20	19 /2015/NQ-HĐQT	12/10/2015	Thông qua đề Giám đốc Công ty quyết định xử lý kỷ luật đối với ông Bùi Văn Thụy - Quản đốc phân xưởng KT13. - Hình thức kỷ luật: Kéo dài thời gian nâng lương không quá 06 tháng.

STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
			- Lý do: Chưa sâu sát trong công tác kiểm tra, giám sát, tổ chức chỉ đạo sản xuất; chưa dự báo hết nguy cơ mất an toàn để chỉ đạo cán bộ, công nhân trong phân xưởng thực hiện biện pháp phòng ngừa tai nạn lao động.
21	20/2015/NQ-HĐQT	20/10/2015	- Phê duyệt điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu, gói thầu số 37: Băng tải cao su B800 (03 bộ, $L_1 = 661\text{m}$. $P = 160\text{ kW}$; $L_2 = 485,5\text{m}$. $P = 90\text{ kW}$; $L_3 = 520\text{m}$. $P = 75\text{ kW}$ thuộc dự án Đầu tư khai thác phần lò giếng mức $+0 \div - 175$ Khu Vàng Danh, Mỏ than Vàng Danh; - Phê duyệt bổ sung kế hoạch lựa chọn nhà thầu, gói thầu: Lắp đặt đường ống cấp nước PCCM mức -175 khu giếng Vàng Danh, thuộc dự án Đầu tư khai thác phần lò giếng mức $+0 \div - 175$ Khu Vàng Danh, Mỏ than Vàng Danh;
22	21/2015/NQ-HĐQT	03/11/2015	- Hội đồng quản trị đồng ý đề ông Doãn Văn Quang thôi tham gia Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin theo đề nghị của cổ đông Tập đoàn Công nghiệp than – Khoáng sản Việt Nam (cổ đông sở hữu 66,83% vốn điều lệ); - Hội đồng quản trị Công ty đồng ý bổ sung thành viên Hội đồng quản trị đối với ông Phạm Trung Tuấn và bầu giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Than Vàng Danh – Vinacomin theo đề nghị của cổ đông Tập đoàn Công nghiệp than – Khoáng sản Việt Nam (cổ đông sở hữu 66,83% vốn điều lệ)
23	22/2015/NQ-HĐQT	18/11/2015	- Thông qua Quy chế xử lý trách nhiệm quản lý trong công tác an toàn vệ sinh lao động; - Đồng ý nâng bậc lương đối với cán bộ quản lý: + Nâng bậc lương mới, bậc 2/2, hệ số 6,31 đối với ông Trịnh Văn An - Phó Giám đốc Công ty; + Nâng bậc lương mới, bậc 2/2, hệ số 5,98 đối với ông Nguyễn Quý Dũng - Kế toán trưởng Công ty; - Đồng ý để Giám đốc Công ty Quyết định thi hành kỷ luật đối với ông Hoàng Trung Thông - Quản đốc phân xưởng Khai thác 10. + Hình thức kỷ luật: Khiển trách. + Lý do: công tác tuyên truyền, giáo dục những quy định về an toàn cho người lao động trong đơn vị khi ngồi trên song loan chờ người chưa hiệu quả

STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
24	23 /2015/NQ-HĐQT	21/11/2015	Phê duyệt điều chỉnh Kế hoạch lựa chọn nhà thầu cho một số gói thầu cung cấp thiết bị, thi công xây dựng và lắp đặt hệ thống vận tải qua giếng nghiêng chính (hệ thống thiết bị tời vô cực) thuộc dự án Đầu tư khai thác phần lò giếng mức +00 ÷ -175
25	24 /2015/NQ-HĐQT	16/12/2015	- Thông qua đề Giám đốc Công ty quyết định: + Bổ nhiệm lại chức vụ quản đốc phân xưởng Đ1 đối với ông Nguyễn Văn Hải; + Bổ nhiệm lại chức vụ quản đốc phân xưởng Lộ thiên đối với ông Phạm Tiến Nhật; - Phê duyệt bổ sung hạng mục công trình vào dự án và kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình tuyến băng tải từ lò giếng Cánh gà về nhà máy sàng tuyển Vàng Danh 2 (dự án điều chỉnh);
26	25 /2015/NQ-HĐQT	28/12/2015	- Phê duyệt dự kiến kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2015 của Công ty; - Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016; - Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh Quý I năm 2016; - Thông qua Quy chế quản lý và cập nhật thông tin lên website Công ty; - Phê duyệt duyệt giao tài nguyên và kế hoạch khai thác năm 2016 cho các đơn vị nhận thầu khai thác than

Số: 03 / BC- ĐHCĐ

Quảng Ninh, ngày 22 tháng 04 năm 2016

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

V/v giám sát hoạt động quản lý điều hành của HĐQT và BGĐ Công ty

Thẩm định báo cáo tài chính Công ty năm 2015

Căn cứ Luật Doanh nghiệp đã được Quốc hội thông qua;

Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty cổ phần Than Vàng Danh –Vinacomin, đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

Căn cứ Hợp đồng phối hợp kinh doanh năm 2015, các văn bản quản lý khác của Nhà nước, Tập đoàn và Công ty;

Căn cứ báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị và Báo cáo kết quả SXKD của Ban Giám đốc Công ty;

Căn cứ Báo cáo tài chính Công ty năm 2015.

Thực hiện quyền và nhiệm vụ theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, Ban kiểm soát Công ty xin báo cáo trước đại hội kết quả kiểm tra, giám sát các mặt hoạt động của Công ty như sau:

Phần 1

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT.

- Năm 2015 Ban Kiểm soát Công ty đã thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình theo Quy định của Luật DN, Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Ban.

- Giám sát hoạt động quản lý điều hành của HĐQT, thông qua việc thực thi các văn bản quản lý của Nhà Nước, Tập đoàn, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.

- Giám sát hoạt động của Ban Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý Công ty thông qua việc thực hiện hợp đồng phối hợp kinh doanh giữa Giám đốc Công ty với Tập đoàn; việc triển khai thực hiện Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, các văn bản quản lý khác của Nhà Nước và Tập đoàn.

- Kiểm soát việc xây dựng, tổ chức thực hiện các văn bản quản lý nội bộ để đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật và điều lệ Công ty. Giám sát việc thực thi pháp luật và công bố thông tin của Công ty theo quy định.

- Thẩm định Báo cáo tài chính quý và năm; Báo cáo công tác quản lý điều hành của HĐQT và Ban Giám đốc Công ty, trình HĐQT Tập đoàn, Đại hội đồng Cổ đông Công ty và các cơ quan quản lý Nhà nước.

- Giám sát việc phối hợp lãnh đạo Công ty thông qua Nghị quyết liên tịch giữa Đảng ủy, Công đoàn, Đoàn thanh niên với HĐQT và Ban Giám đốc Công ty.
- Xem xét tính hợp lý của việc huy động, phân phối và sử dụng các nguồn lực: Tài sản, vật tư, tiền vốn, tuyển dụng, sử dụng và chế độ của người lao động;
- Giám sát Ban Giám đốc Công ty trong việc thực thi những kiến nghị của cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và kiểm soát nội bộ...
- Đề xuất lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán, xem xét thư quản lý của Kiểm toán độc lập và ý kiến phản hồi của Ban Giám đốc Công ty.
- Tham gia các cuộc họp của HĐQT và Ban Giám đốc Công ty *(khi được mời)* với tinh thần trách nhiệm, xây dựng và hợp tác; Trao đổi và tham gia ý kiến thẳng thắn, trung thực với HĐQT và Ban Giám đốc Công ty.
- Thường xuyên giữ mối liên hệ giữa các thành viên trong Ban kiểm soát, giữa Ban kiểm soát với HĐQT, Ban lãnh đạo Công ty và các Cổ đông.
- Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật DN, Điều lệ Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.

Phần 2

KẾT QUẢ GIÁM SÁT CỦA BAN KIỂM SOÁT.

1. Về hoạt động quản lý điều hành của HĐQT Công ty:

- HĐQT Công ty đã thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình thông qua Quy chế hoạt động. Thực hiện chức năng quản lý Công ty thông qua việc ban hành Nghị quyết, Quy chế, Quyết định, Quy định và tổ chức kiểm tra.
- Chỉ đạo Ban Giám đốc điều hành và các bộ phận quản lý khác trong Công ty thực hiện nghiêm túc các Văn bản quản lý của Nhà Nước, Tập đoàn và Công ty; xây dựng kế hoạch SX-KD, kế hoạch tài chính và giám sát quá trình tổ chức thực hiện.
- HĐQT đã chủ động xây dựng chiến lược phát triển Công ty năm 2015 và những năm tiếp theo. Quyết định cơ cấu tổ chức, Quy chế quản lý nội bộ và dự án đầu tư thuộc thẩm quyền.
- Thông qua hoạt động của HĐQT và việc sửa đổi bổ sung các văn bản quản lý kịp thời đã giúp cho việc quản trị điều hành Công ty trong năm được linh hoạt, hiệu quả hơn. *(Năm 2015 HĐQT đã tổ chức các cuộc họp, lấy ý kiến tham gia xây dựng và thông qua 28 Nghị quyết bao gồm nhiều nội dung liên quan đến các lĩnh vực quản lý như: Sửa đổi bổ sung Quy chế tuyển dụng lao động; Sửa đổi quy chế trả lương trong Công ty Cổ phần Than Vàng Danh – Vinacomin; Quy chế lãnh đạo giữa Đảng ủy với Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty; Quy chế xử lý trách nhiệm quản lý trong công tác an toàn vệ sinh lao động; Quy chế quản lý và cập nhật thông tin lên website Công ty; Quy chế Tổ chức và hoạt động Kiểm toán nội bộ Công ty Cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin; Thông qua công tác tổ chức và cán bộ của Công ty ...).*

Các văn bản quản lý của HĐQT ban hành đảm bảo phù hợp với điều kiện và tình hình thực tế SX-KD của Công ty, cũng như quy định của pháp luật.

2. Về công tác tổ chức thực hiện của Ban Giám đốc Công ty:

- Ban Giám đốc Công ty đã trực tiếp điều hành hoạt động SX-KD theo chức năng và nhiệm vụ được quy định tại Luật DN và Điều lệ Công ty.

- Tổ chức triển khai nghiêm túc các Chỉ thị, Nghị quyết, Quyết định của HĐQT và hợp đồng phối hợp kinh doanh giữa Tập đoàn với Công ty.
 - Kịp thời đề xuất với HĐQT những giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động và quản lý Công ty. Chủ động xây dựng và ban hành các văn bản quản lý khác trong Công ty thuộc thẩm quyền.
 - Trực tiếp thay mặt Công ty ký các hợp đồng lao động, tín dụng, kinh tế và thương mại đảm bảo đúng chế độ quy định, đúng pháp luật.
 - Thực hiện tốt thỏa ước lao động và hợp đồng lao động đã ký. Đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các Cổ đông.
 - Tích cực tuyên truyền, vận động CNCB trong Công ty thực hiện tốt công tác môi trường, an sinh xã hội trên địa bàn và giữ gìn trật tự an toàn trong sản xuất.
 - Công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng và bổ nhiệm cán bộ được thực hiện đúng qui trình; Tuyển dụng lao động được thực hiện dân chủ, công khai và minh bạch; Công tác quản lý tiền lương, tiền thưởng, nâng lương, nâng bậc..., được thực hiện đúng Quy chế, quy định Công ty và các văn bản hướng dẫn của Tập đoàn.
 - Chủ động điều hành hoạt động SX-KD hằng ngày, hằng tuần, hằng tháng theo đúng quy định của Luật DN, Điều lệ Công ty và Quyết định của HĐQT.
 - Triển khai kế hoạch SX-KD bằng cơ chế chính sách và các giải pháp đồng bộ từ Công ty đến các đơn vị phòng ban, phân xưởng kịp thời; Tổ chức ký hợp đồng cam kết trách nhiệm giữa Giám đốc Công ty với thủ trưởng các đơn vị trong Công ty.
 - Tổ chức thực hiện công tác ĐT-XD theo phân cấp, quyết định đầu tư đúng thẩm quyền. Thực hiện đầu tư, quyết toán và kiểm toán các công trình đầu tư được thực hiện đúng chế độ, đúng quy định.
 - Chỉ đạo thực hiện có hiệu quả kế hoạch SX-KD của Công ty, hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật mà Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Công ty đề ra.
- Cụ thể:
- Than nguyên khai sản xuất 3.303.864/3.495.000 tấn, bằng 94,5% so với Nghị quyết của ĐHCĐ năm 2015, bằng 101,27 % so với năm 2014; trong đó:
 - Trong đó:*
 - + Than hầm lò sản xuất 2.810.028/ 2.950.000 tấn, bằng 95,3% so với nghị quyết của ĐHCĐ năm 2015, bằng 99,6% so với năm 2014;
 - + Than lộ vỉa: 204.586/220.000 tấn, bằng 93% so với Nghị quyết của ĐHCĐ năm 2015, bằng 93,9% so với năm 2014;
 - + Than giao thầu: 289.250/325.000 tấn, bằng 89% so với Nghị quyết ĐHCĐ năm 2015, bằng 128,83% so với năm 2014;
 - Mét lò đào mới: 39.014/40.246m, bằng 96,9% so với Nghị quyết của ĐHCĐ năm 2015, bằng 98,2% so với năm 2014, trong đó:
 - + Mét lò CBSX: 33.446/35.230 m bằng 94,9% so với Nghị quyết ĐHCĐ năm 2015, bằng 99,2% so với năm 2014;
 - + Mét lò XDCB: 5.568/5.016 m, bằng 111% so với Nghị quyết ĐHCĐ năm 2015, bằng 92,68% so với năm 2014;

- Than sạch sản xuất: 2.774.320/2.997.000 tấn, bằng 92,2% so với Nghị quyết ĐHCĐ năm 2015, bằng 98,59% so với năm 2014;

- Bóc đất đá lộ via: 2.252.532/2.420.000m³, bằng 93,1% so với Nghị quyết ĐHCĐ năm 2015, bằng 94,08% so với năm 2014.

- Tiêu thụ than: 2.731.696/2.996.000 tấn, bằng 91,2% so với Nghị quyết ĐHCĐ năm 2015, bằng 91,84% so với năm 2014.

- Doanh thu:

Doanh thu tổng số: 3.314,472/3.388,448 tỷ đồng, bằng 97,8% so với Nghị quyết của ĐHCĐ năm 2015, bằng 94,51% so với năm 2014.

Trong đó:

+ Doanh thu than: 3.118,475 tỷ đồng, bằng 95,4% so với Nghị quyết ĐHCĐ năm 2015, bằng 95,8% so với năm 2014;

+ Doanh thu khác: 195,998 tỷ đồng, bằng 165,7% so với Nghị quyết ĐHCĐ năm 2015, bằng 77,8% so với năm 2014;

- Giá thành sản xuất: 984.509 đồng/ tấn, tăng 4,8% so năm 2014;

- Giá thành tiêu thụ : 1.113.841 đồng/ tấn, tăng 5,45% so năm 2014;

- Giá bán bình quân : 1.142.572 đồng/ tấn, tăng 4,39% so năm 2014;

- Quỹ lương thực hiện: 782,548 tỷ đồng, bằng 97,8 % kế hoạch và bằng 99,89% so năm 2014;

- Tiền lương bình quân: 10,515 /10,462 trđ/người-tháng, bằng 100,5% so Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông và bằng 101,1% so năm 2014;

- Lao động bình quân trong năm: 6.202 /6.372 người, bằng 97,3% kế hoạch và bằng 98,79% so năm 2014;

- Lợi nhuận trước thuế: 73,571 /60,495 tỷ đồng, bằng 121,6% so với Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông và bằng 60,67% so với năm 2014;

- Nộp ngân sách : 560,97/494,92 tỷ đồng , bằng 113,3% so kế hoạch và bằng 100,51% so năm 2014.

- Công tác đầu tư: Giá trị thực hiện ĐTXD đạt 674,581/894,835 tỷ đồng bằng 75,39% kế hoạch năm và bằng 150,37% với năm 2014; Giá trị giải ngân đạt 77,1% so kế hoạch, bằng 157,4% so năm 2014.

- Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu : 7% bằng 100% Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông đề ra.

- Tiết kiệm chi phí: 157,24/141,62 tỷ đồng bằng 111,0% so với kế hoạch và bằng 94,31% so với năm 2014.

- Sáng kiến, HLH sản xuất : Trong năm Công ty đã xét công nhận 128 sáng kiến với giá trị làm lợi 2,46 tỷ đồng, tăng 9,82% so năm 2014.

Tóm lại: Năm 2015 là một năm SX-KD của Công ty gặp phải không ít những khó khăn do tình hình tiêu thụ than của Tập đoàn cũng như vùng khu vực Uông Bí gặp khó khăn (do chính phủ không cho xuất khẩu than cám), sản lượng than tiêu thụ giảm mạnh, đặc biệt là trong 6 tháng cuối năm tiêu thụ rất chậm, Công ty đã phải chủ động điều hành giảm sản lượng theo chỉ đạo của TKV đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh và đảm bảo việc làm và thu nhập của người lao động. Do việc giảm sản lượng sản xuất, tiêu thụ than giảm, tồn kho tăng, doanh thu giảm, đã làm cho giá thành tăng, lợi nhuận giảm so với năm

2014. Song HĐQT và Ban Giám đốc điều hành đã thực hiện tốt chức năng và nhiệm vụ của mình, phối hợp lãnh đạo quản lý và điều hành Công ty thực hiện các mục tiêu mà Đại hội đồng Cổ đông đề ra; Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước, với Tập đoàn, bảo toàn và phát triển vốn, tạo sự ổn định cho những năm tiếp theo;

Thực hiện tốt mọi Chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước; Trung thành với lợi ích hợp pháp của Công ty và Cổ đông; Không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, không lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để trục lợi cá nhân.

Phần 3

THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY NĂM 2015

- Ban kiểm soát Công ty thống nhất xác nhận số liệu tại Báo cáo kết quả SX-KD và Báo cáo Tài chính năm 2015 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán BDO thực hiện;

- Ban kiểm soát Công ty xét thấy phương pháp thực hiện Kiểm toán, các chuẩn mực Kiểm toán của Công ty kiểm toán cũng như các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Tài chính Công ty áp dụng trong Báo cáo Tài chính năm 2015, đã đảm bảo đúng nguyên tắc, đúng chế độ quy định;

- Báo cáo Tài chính đã kiểm toán phản ánh minh bạch, trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào thời điểm 31/12/2015, cũng như kết quả kinh doanh và các dòng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày;

- Công tác hạch toán đảm bảo không có sai sót trọng yếu, thời gian lập và gửi báo cáo tài chính các quý và năm kịp thời, đúng mẫu biểu quy định;

- Tổ chức bộ máy kế toán được thực hiện tập trung, đảm bảo phù hợp với quy trình tổ chức SX-KD và quản lý Công ty;

- Thực hiện chế độ sổ sách, chứng từ kế toán theo đúng quy định tại Quyết định số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính và Quyết định số 2917/QĐ-HĐQT ngày 27/12/2006 của Hội đồng quản trị Tập đoàn Công nghiệp than –khoáng sản Việt Nam được Bộ tài chính chấp thuận tại công văn số 16148/BTC-CĐKT ngày 20/12/2006. Mở sổ sách và ghi chép số liệu kế toán rõ ràng, thống kê đầy đủ, lưu trữ chứng từ khoa học, đúng quy định;

- Thực hiện công tác kiểm kê tài sản, tiền mặt tồn quỹ, hàng hóa, vật tư, thành phẩm tồn kho, công nợ phải thu, phải trả..., theo đúng hướng dẫn của Tập đoàn.

- Phản ánh và hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo đúng chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng trong Tập đoàn Công nghiệp Than- Khoáng sản Việt Nam, ban hành kèm theo Quyết định số 2917/QĐ-HĐQT ngày 27/12/2006;

- Thực hiện tốt các quy định về quản lý tài chính, các khoản doanh thu, chi phí được hạch toán đầy đủ đúng chế độ;

- Chủ động cân đối các nguồn tài chính phục vụ SX-KD hợp lý, các chỉ tiêu tài chính đảm bảo lành mạnh, thực hiện nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước đúng, đủ, kịp thời;

- Công tác thống kê được theo dõi ghi chép cập nhật kịp thời, đảm bảo phù hợp với quy trình tổ chức sản xuất của Công ty.

Ban kiểm soát Công ty nhất trí với các số liệu cũng như nhận xét của kiểm toán viên đưa ra trong Báo cáo kiểm toán cũng như Báo cáo kết quả hoạt động SX-KD của Công ty và đánh giá hiệu quả hoạt động của Công ty thông qua một số chỉ tiêu chủ yếu như sau:

Về hình thức sở hữu vốn:

Tổng số vốn điều lệ đến 31/12/2015: 420.235.040.000 đ

Tr đó: - Vốn cổ phần Nhà nước: 280.829.380.000đ chiếm 66,83 %

- Vốn CP của các cổ đông Cty: 102.161.390.000 đ chiếm 24,31 %

- Vốn CP ngoài Tập đoàn TVN: 37.244.270.000 đ chiếm 8,86 %

Quản lý vốn và sử dụng vốn:

Nội dung	Năm 2014	Năm 2015
Vốn chủ sở hữu	442.024.201.878	450.058.839.261
1.Vốn đầu tư của CSH (TK 411)	420.235.040.000	420.235.040.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	- 193.100.000	- 343.100.000
3. Quỹ đầu tư phát triển (TK 414)	7.068.279.031	3.946.616.496
4. Vốn Khác của chủ sở hữu	14.913.982.847	26.220.282.765
5. Quỹ dự phòng tài chính (TK 415)		

Công ty đã mở sổ sách theo dõi, hạch toán tình hình biến động của vốn chủ sở hữu theo chế độ quy định, đã bảo toàn và phát triển được vốn.

Bố trí cơ cấu vốn;

- Hệ số đầu tư ngắn hạn = 21,311%; năm 2014 là 31,67% .

- Hệ số đầu tư dài hạn = 78,689%; năm 2014 là 68,33% .

Công ty đã huy động và sử dụng vốn huy động đúng mục đích, vốn vay dài hạn để thực hiện đầu tư các công trình XDCB trọng điểm phục vụ sản xuất, đáp ứng yêu cầu mở rộng và tăng năng lực sản xuất của Công ty. Vốn vay ngắn hạn dùng để thanh toán các khoản nợ ngắn hạn đến kỳ thanh toán trong thời điểm chưa thu được tiền bán hàng.

Tổng số vốn đã vay của các tổ chức tín dụng trong kỳ:

+ Vốn vay ngắn hạn lũy kế đến 31/12/2015: 0 tỷ đồng;

+ Vốn vay trung dài hạn chi cho ĐTXD trong năm 2015: 504,05 tỷ đồng;

+ Vốn vay trung dài hạn lũy kế đến 31/12/2015: 1.212,02 tỷ đồng.

3. Quản lý tài sản và sử dụng tài sản:

Tổng cộng tài sản (31/12/2015): 2.265,48 tỷ tăng so với 2014: 373,73 tỷ

Công ty đã tổ chức quản lý công tác ĐTXD, quản lý sử dụng, trích khấu hao và thanh lý nhượng bán tài sản, xử lý hàng hóa vật tư hư hỏng kém phẩm chất; Quản lý công nợ phải thu, phải trả, xử lý về tồn thất tài sản..., theo đúng quy định, đúng chế độ. Công ty đã thành lập hội đồng xử lý, lập hồ sơ xử lý và thực hiện hạch toán các khoản nợ không có khả năng thu hồi.

Công ty đã thực hiện phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ theo quy định; Chấp hành tốt chế độ chính sách và pháp luật Nhà nước đặc biệt là chính sách tiền lương và bảo hiểm đối với người lao động, các kiến nghị của Chủ sở hữu, Kiểm toán, Thanh tra và cơ quan quản lý tài chính doanh nghiệp.

Về cơ cấu tài chính:

- Hệ số nợ phải trả / Tổng NV = 79,43 % , năm 2014 là 76,27 % ;
- Hệ số nợ phải trả / Vốn CSH = 3,86 lần, năm 2014 là 3,21 lần.
- Nguồn vốn CSH/ Tổng nguồn vốn = 20,57%, năm 2014 là 23,73%.

Về khả năng thanh toán: (SL chuyển theo CĐKT mới)

- Hệ số khả năng thanh toán hiện thời = 0,51 lần, năm 2014 là 0,827lần;
- Hệ số khả năng thanh toán nhanh = 0,335 lần, năm 2014 là 0,601 lần.

Về hiệu quả sử dụng vốn:

- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế / DT = 2,22%, năm 2014 là 3,47%;
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế / Σ TS = 3,25%; năm 2014 là 6,41%;
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Tổng TS = 2,73%; năm 2014 là 5,057%;
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / DT thuần = 1,71%; năm 2014 là 2,68%;
- Tỷ suất LN trước thuế và lãi vay/ Σ Tài sản = 7,61%, năm 2014 12,807%
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế / vốn CSH = 17,281 % , năm 2014 là 35,03 %;
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Vốn CSH = 13,327%, năm 2014 là 23,46%
- Doanh lợi vốn Cổ phần đạt 0,0895 đ, năm 2014 là 0,355 đ;
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu: 895 đ, năm 2014 là 3.550 đ;
- Hệ số bảo toàn vốn đạt: 1,39 lần, năm 2014 là 1,68 lần;
- Vòng quay hàng tồn kho đạt: 17,6 vòng, năm 2014 là 11,2 vòng.

Qua các số liệu trên cho thấy năm 2015 hoạt động SX-KD của Công ty chủ yếu là vốn vay, Nợ phải trả chiếm 79,43% tổng nguồn vốn và gấp 3,86 lần vốn chủ. Tuy nhiên Công ty đã quản trị và sử dụng vốn hợp lý, cụ thể về cơ cấu vốn đã giành cho đầu tư dài hạn 78,69%, đầu tư ngắn hạn 21,31% và khả năng thanh toán hiện thời là 0,51 lần.

Tài sản đầu tư đã phát huy hiệu quả (1đồng tài sản bỏ ra đã thu về 0,0325 đồng lợi nhuận, 1 đồng vốn cổ phần bỏ ra đã thu được 0,0895 đồng lợi nhuận. 1 đồng vốn chủ bỏ ra thu được 0,0895 đồng lợi nhuận; Tiết kiệm chi phí: 157,24 tỷ đồng; Lợi nhuận trước thuế thực hiện 73,571/ 60,495tỷ đồng = 121,6%; Hệ số bảo toàn vốn đạt 1,39 lần giảm so với 2014 là 0,29 lần. (Theo khoản 1 điều12 Thông tư 220/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013)

Tóm lại: Ban kiểm soát Công ty thống nhất đánh giá chất lượng báo cáo tài chính cũng như kết quả hoạt động SX-KD năm 2015 của Công ty Cổ phần Than Vàng Danh – Vinacomin, đã đảm bảo đúng yêu cầu và mục tiêu mà Đại hội đồng Cổ đông Công ty năm 2015 đề ra. Theo Thông tư số158/TT-BTC hướng dẫn đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp thì Công ty đủ tiêu chuẩn xếp loại A.

Phần 4

NHỮNG ĐỀ XUẤT KIẾN NGHỊ CỦA BAN KIỂM SOÁT.

Năm 2016 tình hình kinh tế Thế giới và trong nước tiếp tục được phục hồi nhưng chậm; Đối với Tập đoàn nói chung và Công ty nói riêng: Tình hình hoạt động SXKD gặp rất nhiều khó khăn do thị trường tiêu thụ than trầm lắng, giá bán than thấp, cạnh tranh gay gắt, than tồn kho tăng cao. Điều kiện khai thác ngày càng xuống sâu, địa chất biến động phức tạp, cung độ vận chuyển tăng, năng suất lao động còn thấp, các loại thuế, phí và cơ chế chính sách Nhà Nước có nhiều thay đổi. Nhiều bộ luật, sắc thuế và các văn bản quản lý mới được ban hành: *Luật Doanh nghiệp; Luật đầu tư; Luật đấu thầu; Luật lao động;... và một số Nghị định, Thông tư hướng dẫn thi hành...*

Do vậy để hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ SX-KD năm 2016 Công ty cần phải xây dựng các giải pháp điều hành và rà soát chỉnh sửa, bổ sung hệ thống các văn bản pháp quy để đáp ứng kịp thời trong việc quản lý, điều hành phù hợp:

1. *Giải pháp điều hành: Bám sát các giải pháp chủ yếu, chỉ đạo điều hành kế hoạch phối hợp kinh doanh năm 2016 Tập đoàn giao. Xây dựng các giải pháp điều hành sản xuất phù hợp với thực tế thị trường hiện nay, đổi mới công nghệ, hoàn thiện cơ cấu tổ chức các đơn vị và các dây chuyền sản xuất trong công ty cho phù hợp với điều kiện thực tế, tiết kiệm chi phí, nâng cao chất lượng, năng suất, đảm bảo tăng trưởng hiệu quả.*

2. *Công tác quản trị chi phí: Xiết chặt quản lý trên tất cả các lĩnh vực (Quản trị tài nguyên, quản trị chi phí, quản lý lao động tiền lương, quản lý tài chính dòng tiền, quản lý công tác thuê ngoài...) để đảm bảo hiệu quả SXKD theo kế hoạch.*

3. *Đầu tư phát triển khoa học công nghệ: Đầu tư các công nghệ sản xuất có trọng điểm và lâu dài để phát triển sản xuất nhưng phải phù hợp với điều kiện thực tế của Công ty đảm bảo an toàn, năng suất tiết kiệm và hiệu quả; Quan tâm đầu tư các dự án đào lò; Dự án cơ giới hóa lò chợ; Dự án khoan thăm dò; Dự án Nhà máy sàng tuyển than Vàng Danh 2; Dự án Xây dựng trụ sở điều hành công ty tại Uông Bí... đó là các dự án góp phần nâng cao công suất, sản lượng và phục vụ công tác điều hành của Công ty.*

4. *Công tác an toàn: Đảm bảo an toàn lao động trong sản xuất để giảm thiểu các vụ TNLĐ, cải thiện điều kiện làm việc và phúc lợi cho người lao động.*

5. *Công tác sáng kiến hợp lý hóa sản xuất: Tiếp tục quan tâm và đẩy mạnh phong trào phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật góp phần tiết giảm chi phí trong SXKD.*

6. *Tăng cường sự phối kết hợp giữa Đảng ủy, Công đoàn, Đoàn thanh niên với HĐQT và Ban Giám đốc điều hành để nâng cao hiệu quả công tác điều hành SX-KD; ...*

Kính thưa toàn thể các quý vị:

Năm 2015 Ban kiểm soát Công ty tuy hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm nên thời gian dành cho hoạt động kiểm soát và trình độ chuyên môn nghiệp vụ còn hạn chế, kinh nghiệm kiểm soát còn thiếu, trong khi cơ chế chính sách còn nhiều điểm bất cập, thiếu đồng bộ,...Xong các thành viên ban kiểm soát Công ty đã cố gắng thực hiện nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng và khách quan nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa cho Công ty và các Cổ đông.

Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, Quyết định của Đại hội đồng Cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền, nhiệm vụ được giao.

Trung thành với lợi ích của Công ty và Cổ đông, không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, không lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

Năm 2015 Ban Kiểm soát Công ty không nhận được bất kỳ đơn thư khiếu nại, tố cáo nào từ các Cổ đông về tình hình hoạt động quản lý điều hành của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các bộ phận quản lý khác trong Công ty.

Có được kết quả đó, ngoài sự cố gắng tích cực của mỗi thành viên Ban kiểm soát, còn có sự ủng hộ, hỗ trợ, động viên của ban lãnh đạo Công ty, sự cộng tác của các Cổ đông và các phòng ban quản lý trong Công ty.

Ban kiểm soát Công ty xin trân trọng cảm ơn sự phối hợp của các quý vị và hy vọng rằng năm 2016, Ban kiểm soát Công ty sẽ tiếp tục nhận được sự ủng hộ và hợp tác của các quý vị để Ban kiểm soát hoàn thành tốt hơn nhiệm vụ của mình.

Nhân dịp Đại hội hôm nay, thay mặt cho các thành viên Ban kiểm soát Công ty tôi xin chân thành cảm ơn toàn thể các quý vị, Chúc các quý vị mạnh khỏe, Chúc đại hội thành công. Xin cảm ơn !

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS; Các cổ đông Công ty;
- Phòng CNTH (Đăng trên Website)
- Lưu VT

TM BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY
TRƯỞNG BAN

Phạm Xuân Vinh

Số: 04 / BC- ĐHCĐ

Quảng Ninh, ngày 22 tháng 04 năm 2016

BÁO CÁO ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2016
Thông qua báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán BDO

Kính gửi: Quý vị cổ đông.

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty đã được Công ty TNHH Kiểm toán BDO kiểm toán, Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua (chi tiết xem trên website của Công ty).

Nội dung báo cáo tài chính tóm tắt như sau:

I - BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

ĐVT: Đồng

STT	CHỈ TIÊU	SỐ ĐẦU KỶ(01/1/2015)	SỐ CUỐI KỶ(31/12/2015)
I	TÀI SẢN NGẮN HẠN	598.654.317.608	482.798.075.672
1	Tiền và các khoản tong đồng tiền	218.218.439.419	86.226.290.088
2	Các khoản đầu t tài chính ngắn hạn		
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	209.769.801.132	224.579.565.222
4	Hàng tồn kho	163.722.749.410	165.977.645.073
5	Tài sản ngắn hạn khác	6.943.327.647	6.014.575.289
II	TÀI SẢN DÀI HẠN	1.293.100.271.666	1.782.683.833.439
1	Các khoản phải thu dài hạn	31.905.140.444	81.984.392.755
2	Tài sản cố định	1.194.022.753.785	1.551.844.257.913
	- Tài sản cố định hữu hình	961.601.097.041	1.226.943.514.392
	- Tài sản cố định vô hình	32.109.589	18.776.256
	- Tài sản cố định thuê tài chính		
	- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	232.389.547.155	324.881.967.265
3	Bất động sản đầu t		
4	Các khoản đầu t tài chính dài hạn		
5	Tài sản dài hạn khác	67.172.377.437	148.855.182.771

III	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	1.891.754.589.274	2.265.481.909.111
IV	NỢ PHẢI TRẢ	1.442.793.725.735	1.799.504.729.908
1	Nợ ngắn hạn	723.595.365.746	946.582.652.269
2	Nợ dài hạn	719.198.359.989	852.922.077.639
V	VỐN CHỦ SỞ HỮU	448.960.863.539	465.977.179.203
1	Vốn chủ sở hữu	442.024.201.878	450.058.839.261
	- Vốn đầu t của chủ sở hữu	420.235.040.000	420.235.040.000
	- Thặng d vốn cổ phần	-193.100.000	-343.100.000
	- Vốn khác của chủ sở hữu	14.913.982.847	26.220.282.765
	- Cổ phiếu quỹ		
	- Chênh lệch đánh giá lại tài sản		
	- Chênh lệch tỷ giá hối đoái		
	- Quỹ Đầu t Phát triển	7.068.279.031	3.946.616.496
	- Lợi nhuận sau thuế cha phân phối		
	- Nguồn vốn đầu t XDCB		
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	6.936.661.661	15.918.339.942
	- Nguồn kinh phí	6.936.661.661	15.918.339.942
	- Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản		
VI	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	1.891.754.589.274	2.265.481.909.111
	<u>II - KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</u>		
STT	CHỈ TIÊU	NĂM 2014	NĂM 2015
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.494.790.657.598	3.309.939.253.624
2	Các khoản giảm trừ doanh thu		
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.494.790.657.598	3.309.939.253.624
4	Giá vốn hàng bán	3.030.926.385.804	2.901.533.576.144
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	463.864.271.794	408.405.677.480
6	Doanh thu hoạt động tài chính	2.508.055.858	3.644.487.393
7	Chi phí tài chính	115.682.910.582	84.597.279.906
8	Chi phí bán hàng	4.112.875.428	4.326.398.517
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	230.404.285.585	243.558.881.833
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	116.172.256.057	79.567.604.617
11	Thu nhập khác	6.836.805.258	888.493.068
12	Chi phí khác	1.744.978.971	6.884.929.961
13	Lợi nhuận khác	5.091.826.287	-5.996.436.893

14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		121.264.082.344	73.571.167.724
15	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		27.908.528.927	16.684.914.326
16	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-187.675.984	187.675.984
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		93.543.229.401	56.698.577.414
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1CP)		3.550	895
19	Cổ tức trên mỗi cổ phiếu (Đồng/1CP)		1.000	1.000
	<u>III- CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN</u>			
STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KỲ TRƯỚC (2014)	KỲ BÁO CÁO (2015)
1	Cơ cấu tài sản			
	- Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản	%	68,35	78,69
	- Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản	%	31,65	21,31
2	Cơ cấu nguồn vốn			
	- Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	%	76,27	79,43
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	%	23,73	20,57
3	Khả năng thanh toán			
	- Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,60	0,33
	- Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	0,83	0,51
4	Tỷ suất lợi nhuận			
	- Tỷ suất LN sau thuế/ Tổng tài sản	%	5,06	2,73
	- Tỷ suất LN sau thuế/ Doanh thu thuần	%	2,68	1,71
	- Tỷ suất LN sau thuế/ Nguồn vốn chủ sở hữu	%	30,61	13,33

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua./.

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS
- Các cổ đông
- Lưu: VP; TKCT

**TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Phạm Trung Tuấn

Số: 05 / BC- ĐHCĐ

Quảng Ninh, ngày 22 tháng 04 năm 2016

BÁO CÁO ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2016
Về việc phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2015

Kính gửi: Quý vị cổ đông.

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin;

Căn cứ Nghị định số 71/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

Căn cứ Thông tư số 158/2013/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2013 của Bộ Tài chính về hướng dẫn một số nội dung về giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với Doanh nghiệp do Nhà nước làm chủ sở hữu và doanh nghiệp có vốn Nhà nước;

Căn cứ Quy chế tài chính số 4176/QĐ-TVD - HĐQT ngày 24/12/2014 của HĐQT Công ty Cổ phần Than Vàng Danh – Vinacomin;

Căn cứ công văn số 599/TKV-KS ngày 19 tháng 2 năm 2016 của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam về việc phân phối lợi nhuận năm 2015 của Công ty Cổ phần Than Vàng Danh – Vinacomin;

Căn cứ kết quả hoạt động SXKD năm 2015 của Công ty CP Than Vàng Danh – Vinacomin (Số liệu báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán BDO)

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội thông qua việc phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2015 như sau:

(1) Tổng lợi nhuận trước thuế	: 73.571.167.724 đồng
(2) Nộp thuế thu nhập Doanh nghiệp	: 16.684.914.326 đồng
(3) Chi phí thuế thu nhập Doanh nghiệp hoãn lại	: 187.675.984 đồng
(5) Lợi nhuận còn lại sau khi đã nộp thuế TNDN	: 56.698.577.414 đồng
(a) Trả cổ tức 7% trên vốn điều lệ	: 29.416.452.800 đồng.
(b) Lợi nhuận sau khi chi trả cổ tức còn lại là	: 27.282.124.614 đồng
- Trích 30% quỹ đầu tư phát triển sản xuất	: 8.184.637.383 đồng

- Trích quỹ thưởng Viên chức quản lý doanh nghiệp : 357.657.500 đồng
- Lợi nhuận còn lại trích quỹ khen thưởng, phúc lợi : 18.739.829.731 đồng

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua./.

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS
- Các cổ đông
- Lưu: VP; TKCT

**TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Phạm Trung Tuấn

Số: 06 / BC- ĐHCĐ

Quảng Ninh, ngày 22 tháng 04 năm 2016

BÁO CÁO ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2016
Thông qua kết quả chi trả thù lao cho thành viên kiêm nhiệm HĐQT; BKS Công ty năm 2015, Kế hoạch chi trả thù lao cho thành viên HĐQT; BKS Công ty năm 2016

Kính gửi: Quý vị cổ đông.

I. Chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2015.

Thực hiện Nghị quyết đại hội đồng cổ đông năm 2015 đã thông qua phương án chi trả thù lao các thành viên HĐQT, và Ban Kiểm soát hoạt động kiêm nhiệm, HĐQT đã thực hiện đúng Nghị quyết đề ra, kết quả chi trả thù lao các thành viên như sau:

STT	Chức danh	Mức thù lao năm 2015	Ghi chú
1.	Chủ tịch HĐQT	6.852.000 đ/ tháng	
2.	Thành viên HĐQT	6.072.000 đ/ tháng	
3.	Trưởng ban Kiểm soát	6.072.000 đ/ tháng	
4.	Thành viên Ban kiểm soát	5.552.000 đ/tháng	

Tổng số tiền chi trả thù lao cho thành viên HĐQT, BKS năm 2015 là: **579.792.000 đồng.**

Trong đó:

+ Tổng số tiền thù lao trả cho thành viên HĐQT: **373.680.000 đồng;**

+ Tổng số tiền thù lao trả cho thành viên BKS : **206.112.000 đồng.**

II. Kế hoạch chi trả thù lao năm 2016

Căn cứ Nghị định số 51/2013/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư số 19/2013/TT-BLĐTBXH của Bộ lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với thành viên Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch Công ty, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc hoặc phó Giám đốc, kế toán trưởng trong Công ty TNHH 1 thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.

Hội đồng quản trị Công ty đề xuất mức thù lao HĐQT, BKS như sau:

1. Mức thù lao của viên chức quản lý chuyên trách:

STT	Chức danh	Mức thù lao năm 2015	Ghi chú
1.	Chủ tịch HĐQT	26.460.000 đ/ tháng	
2.	Thành viên HĐQT	23.460.000 đ/ tháng	
3.	Trưởng ban Kiểm soát	23.460.000 đ/ tháng	
4.	Thành viên Ban kiểm soát	21.460.000 đ/tháng	

2. Mức thù lao của viên chức quản lý không chuyên trách:

Mức thù lao được áp dụng mức tối đa là 20% mức tiền lương thực hiện của viên chức quản lý chuyên trách tương ứng, cụ thể:

STT	Chức danh	Mức thù lao năm 2015	Ghi chú
1.	Chủ tịch HĐQT	5.292.000 đ/ tháng	
2.	Thành viên HĐQT	4.692.000 đ/ tháng	
3.	Trưởng ban Kiểm soát	4.692.000 đ/ tháng	
4.	Thành viên Ban kiểm soát	4.292.000 đ/tháng	

Thay mặt HĐQT tôi xin trình trước Đại hội.

Xin ý kiến của Đại hội./.

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS
- Các cổ đông
- Lưu: VP; TKCT

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Phạm Trung Tuấn

Số: 07 / BC- ĐHCĐ

Quảng Ninh, ngày 22 tháng 04 năm 2016

BÁO CÁO ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2016
Về việc đề xuất mức cổ tức năm 2016

Kính gửi: Quý vị cổ đông.

Năm 2016, Tình hình sản xuất kinh doanh của Tập đoàn vẫn gặp rất nhiều khó khăn, đặc biệt là thị trường xuất khẩu, do từ năm 2015 Chính phủ hạn chế xuất khẩu than, các chi phí về thăm dò, an toàn BHLĐ, môi trường... tăng cao làm cho giá thành tăng; Trong điều kiện kinh tế suy giảm, Công ty nói riêng gặp nhiều khó khăn, giá bán giảm, nhưng các loại thuế, phí tăng cao, tiêu thụ của Tập đoàn gặp nhiều khó khăn đã ảnh hưởng trực tiếp đến Công ty, gây tồn kho, tăng chi phí; trong khi đó nhu cầu vốn đầu tư cho các dự án nâng cao công suất mỏ là rất lớn, thu nhập cho thợ lò cũng chậm được cải thiện; việc tăng sản lượng ngày càng khó khăn do chủ yếu khai thác hầm lò và xuống sâu, năng suất tăng chậm lại, hiệu quả kinh doanh giảm.

Với kế hoạch sản xuất như trên đã báo cáo thì không thể đảm bảo lợi nhuận, cổ tức của năm 2016. Tuy nhiên trong thời gian tới nếu tình hình tiêu thụ thuận lợi, Công ty thúc đẩy sản xuất để kinh doanh có hiệu quả, cố gắng lợi nhuận ở mức tốt nhất.

Với kỳ vọng đó, để đạt mục tiêu phấn đấu có lợi nhuận trong năm 2016. HĐQT Công ty đề xuất mức cổ tức năm 2016 là từ 5% ÷ 7%.

Xin ý kiến của Đại hội./.

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS
- Các cổ đông
- Lưu: VP; TKCT

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Phạm Trung Tuấn

Số: 08/TTr- ĐHCĐ

Quảng Ninh, ngày 22 tháng 04 năm 2016

TỜ TRÌNH
Về việc phát hành cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2016

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin kính trình Đại hội đồng cổ đông về Phương án phát hành tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu như sau:

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ ĐỢT PHÁT HÀNH

- Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH11 ngày 26/11/2014;
- Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006
- Điều lệ Công ty cổ phần Than Vàng Danh – Vinacomin.

II. MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH

Nhằm bổ sung vốn điều lệ cho công ty, nhằm mục tiêu tăng trưởng và phát triển bền vững, có thêm nguồn vốn đầu tư các dự án trọng điểm của Công ty về đào lò mở rộng diện sản xuất và nâng cao năng lực sàng tuyển than đảm bảo duy trì và phát triển của Công ty trong những năm tiếp theo.

III. PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU TĂNG VỐN TỪ NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

1. Tình hình cổ phiếu hiện tại của Công ty

Bảng 1: Tình hình cổ phiếu của Công ty tính đến thời điểm 31/12/2015

STT	Khoản mục	Số lượng	Giá trị	Tỷ lệ
1	Cổ phiếu đang lưu hành	42.023.504	420.235.040.000	100%
2	Cổ phiếu quỹ	0	0	0%
	Tổng cộng	42.023.504	420.235.040.000	100%

2. Cơ cấu vốn điều lệ trước khi phát hành tại thời điểm 31/12/2015

STT	Cổ đông	Số lượng cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Nhà nước	28.082.938	280.829.380.000	66,83%

2	Cổ đông nội bộ	125.264	1.252.640.000	0,3%
	<i>HDQT, BGD, BKS và KTT</i>	<i>125.264</i>	<i>1.252.640.000</i>	<i>0,3%</i>
3	Cổ đông cá nhân	10.027.718	100.277.180.000	23,86%
4	Cổ đông tổ chức	3.787.584	24.609.870.000	9,01%
Tổng		42.023.504	420.235.040.000	100,00%

2. Phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu

- Số lượng cổ phần dự kiến phát hành: 2.941.645 cổ phần
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
- Tổng mệnh giá phát hành: 29.416.450.000 đồng (Hai mươi chín tỷ bốn trăm mười sáu triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng)
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông
- Đối tượng phát hành: Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty Cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin tại ngày chốt danh sách để phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu.
- Tỷ lệ phát hành: 100:7 tương đương với tỷ lệ phát hành 7% (Cổ đông sở hữu 100 cổ phần cũ sẽ được nhận thêm 7 cổ phần mới).
- Phương án xử lý số cổ phiếu lẻ phát sinh: Số lượng cổ phiếu mỗi Cổ đông được nhận khi phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu sẽ được làm tròn đến hàng đơn vị theo nguyên tắc làm tròn xuống. Số cổ phiếu lẻ (phần thập phân) (nếu có) sẽ hủy bỏ, không phát hành.
- Nguồn sử dụng: nguồn quỹ đầu tư phát triển và vốn khác của chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2015 trên Báo cáo tài chính năm 2015 đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Than Vàng Danh – Vinacomin.
- Thời gian thực hiện: dự kiến trong quý II/2016

IV. ĐỀ NGHỊ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt phương án tăng vốn điều lệ và ủy quyền cho Hội đồng quản trị:

- Triển khai phương án phát hành, lựa chọn thời điểm phát hành và thực hiện các thủ tục đăng ký phát hành, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật.
- Đăng ký tăng vốn và sửa Điều lệ theo quy định của pháp luật.
- Lưu ký và niêm yết bổ sung số cổ phiếu phát hành thêm trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt!

Nơi nhận:

- HDQT, BKS
- Các cổ đông
- Lưu: VP; TKCT

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Phạm Trung Tuấn

Số: 09 / BC- ĐHCĐ

Quảng Ninh, ngày 22 tháng 04 năm 2016

BÁO CÁO ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2016
Về việc huy động vốn phục vụ kế hoạch SXKD năm 2016

Kính gửi: Quý vị cổ đông.

Năm 2016, Công ty đặt mục tiêu sản xuất 3.100.000 tấn than nguyên khai; đào 36.530 mét lò; bốc xúc đất đá 1.650.000 m³; đầu tư xây dựng 1.023.205 triệu đồng; doanh thu 2.998.642 triệu đồng.

Để thực hiện được nhiệm vụ trên cần thiết phải huy động vốn để phục vụ sản xuất, kinh doanh của Công ty, nhu cầu về vốn như sau:

1. Huy động vốn để thực hiện đầu tư các dự án: 962,6 tỷ đồng;
2. Huy động vốn trả tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: 368 tỷ đồng;
3. Huy động vốn lưu động phục vụ SXKD năm 2016: Nhu cầu vốn bình quân một tháng: 220 tỷ đồng.

Kính trình đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua và giao cho Hội đồng quản trị Công ty quyết định các phương án vay vốn phù hợp với quy định của Pháp luật.

Xin ý kiến của Đại hội./.

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS
- Các cổ đông
- Lưu: VP; TKCT

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Phạm Trung Tuấn

Số: 10 / BC- ĐHCĐ

Quảng Ninh, ngày 22 tháng 04 năm 2016

BÁO CÁO ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2016

V/v: Thay đổi nhân sự trong Hội đồng quản trị Công ty

Kính gửi: Quý vị cổ đông.

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin;

Căn cứ Quyết định số 2147/QĐ-TKV ngày 26/10/2015 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam (cổ đông lớn đang sở hữu 66,83% vốn điều lệ) về việc thay đổi người đại diện quản lý phần vốn của TKV và người đại diện của TKV tham gia Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Than Vàng Danh – Vinacomin;

Do đó, trong năm vừa qua Công ty có một số thay đổi về nhân sự HĐQT.

Tại Đại hội này HĐQT kính trình ĐHCĐ thông qua các nội dung sau:

1. Ông **Doãn Văn Quang** thôi tham gia Hội đồng quản trị Công ty;
2. Bổ sung thành viên Hội đồng quản trị đối với ông **Phạm Trung Tuấn** và bầu giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Than Vàng Danh – Vinacomin.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt./.

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS
- Các cổ đông
- Lưu: VP; TKCT

**TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Phạm Trung Tuấn

Số: 11 / BC- ĐHCĐ

Quảng Ninh, ngày 22 tháng 04 năm 2016

BÁO CÁO ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2016

Về việc: Thay đổi nhân sự trong Ban Kiểm soát Công ty

Kính gửi: Quý vị cổ đông.

Ban kiểm soát Công ty được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 bầu ra 03 thành viên, trong đó có ông Phạm Xuân Vinh là người đại diện của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam và được bầu giữ chức Trưởng Ban kiểm soát Công ty

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2014; Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin;

Tại Đại hội này, Hội đồng quản trị xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông chấp thuận việc thay đổi nhân sự Ban kiểm soát của Công ty theo Quyết định số 655/QĐ-TKV ngày 04/04/2016 của Hội đồng thành viên TKV, như sau:

1. Ông Phạm Xuân Vinh, Phó trưởng ban Kiểm soát nội bộ TKV thôi làm người đại diện của TKV tham gia Ban kiểm soát, thôi ứng cử Trưởng Ban kiểm soát Công ty.

2. Bà Trần Thị Vân Anh, Kế toán Trưởng Công ty Than Nam Mẫu - TKV làm người đại diện của TKV tham gia Ban kiểm soát Công ty, Ứng cử giữ chức Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách Công ty

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định, thông qua việc thay đổi nhân sự trong Ban kiểm soát của Công ty./.

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS
- Các cổ đông
- Lưu: VP; TKCT

**TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Phạm Trung Tuấn

Số: 12 / BC- ĐHCĐ

Quảng Ninh, ngày 22 tháng 04 năm 2016

BÁO CÁO ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2016
Về việc sửa đổi điều lệ Công ty

Kính gửi: Quý vị cổ đông.

Vừa qua Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2014 và có hiệu lực từ ngày 01/07/2015. Để phù hợp với quy định của Luật doanh nghiệp 2014. Công ty đã tiến hành dự thảo sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty phù hợp với Quy định của Luật doanh nghiệp 2014.

(Chi tiết theo dự thảo Điều lệ đính kèm)

Tại Đại hội này Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua để làm cơ sở thực hiện./.

Xin ý kiến của Đại hội./.

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS
- Các cổ đông
- Lưu: VP; TKCT

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Phạm Trung Tuấn

ĐIỀU LỆ

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Công ty cổ phần Than Vàng Danh – Vinacomin (dưới đây gọi là “Công ty”) được thành lập theo Luật doanh nghiệp và theo Quyết định số: 1119/QĐ- BCN ngày 03 tháng 04 năm 2007 của Bộ công nghiệp về việc cổ phần hoá Công ty than Vàng Danh -Vinacomin;

2. Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty được xây dựng trên cơ sở:

- Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;

- Điều lệ mẫu áp dụng cho các Công ty đại chúng ban hành kèm theo Thông tư số 121/2012/TT-BTC ngày 26 tháng 7 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng.

3. Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua vào ngày tháng năm 2016 ;

4. Điều lệ này là cơ sở pháp lý cho mọi hoạt động của Công ty. Các quy định của Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị khi được thông qua một cách hợp lệ, phù hợp với luật pháp và Điều lệ này, sẽ là những quy tắc và quy định ràng buộc để tiến hành các hoạt động kinh doanh .

CHƯƠNG I:

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Giải thích từ ngữ, thuật ngữ trong Điều lệ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) "Hội đồng" có nghĩa là Hội đồng quản trị của Công ty được viết tắt là “HĐQT”.

b) "Địa bàn kinh doanh" có nghĩa là phạm vi địa lý thực hiện các hoạt động kinh doanh của công ty, bao gồm trong và ngoài lãnh thổ Việt Nam.

c) “Vốn điều lệ” có nghĩa là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc do tất cả các cổ đông đóng góp hoặc đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp.

d) "Luật doanh nghiệp" có nghĩa là Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014

đ) "Luật chứng khoán" có nghĩa là Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 06 năm 2006; Luật chứng khoán bổ sung số 62/2010/QH12 được Quốc hội thông qua ngày 24/11/2010.

e) "Ngày thành lập" có nghĩa là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu.

g) "Pháp luật" là tất cả các văn bản quy phạm pháp luật được quy định tại Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

h) "Người quản lý Công ty" có nghĩa là Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT, giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh Công ty ký kết giao dịch của Công ty theo quy định tại Điều lệ này.

i) "Người có liên quan" có nghĩa là bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định trong Khoản 17 Điều 4 của Luật doanh nghiệp; Khoản 34 Điều 6 của Luật Chứng khoán.

k) "Cổ đông" có nghĩa là mọi tổ chức hay cá nhân sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty và phải được ghi tên trong Sổ đăng ký cổ đông.

l) "Cổ tức" là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Công ty sau khi đã thực hiện nghĩa vụ về tài chính.

m) "Thời hạn hoạt động" có nghĩa là thời hạn hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 của Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được thông qua bằng một nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

n) "Việt Nam" có nghĩa là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

2. Trong Điều lệ này, bất kỳ một tham chiếu nào tới bất kỳ một điều khoản hoặc văn bản nào sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng. Trường hợp các văn bản pháp quy điều chỉnh các nội dung liên quan đến Điều lệ này bị sửa đổi, bổ sung, thay thế thì những nội dung liên quan trong Điều lệ này sẽ được thực hiện theo nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế của văn bản pháp quy đó. Đại hội đồng cổ đông lần gần nhất sau đó phải sửa lại Điều lệ cho phù hợp.

3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

4. Các từ hoặc thuật ngữ được định nghĩa trong Luật doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên công ty:

a) Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THAN VÀNG DANH - VINACOMIN.

b) Tên tiếng Anh: VINACOMIN - VANG DANHCOAL JOINT STOCK COMPANY.

c) Tên giao dịch: VVDC

d) Tên viết tắt: TVD

2. Công ty có biểu tượng riêng như sau:



3. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

4. Công ty là công ty con của Tập đoàn công nghiệp than - khoáng sản Việt Nam, do Tập đoàn chi phối thông qua tỷ lệ nắm giữ cổ phần chi phối tại Công ty, thông qua thương hiệu của Tập đoàn hoặc thông qua các quyền chi phối khác theo quy định của pháp luật và quy chế quản lý của Tập đoàn.

Tài nguyên, trữ lượng than do Công ty đang khai thác là tài sản thuộc sở hữu Nhà nước giao cho Tập đoàn công nghiệp than - khoáng sản Việt Nam là đại diện chủ sở hữu Nhà nước thống nhất quản lý và không tính vào giá trị tài sản của Công ty. Tập đoàn công nghiệp than - khoáng sản Việt Nam giao cho Công ty quản lý tài nguyên, trữ lượng than này và hằng năm Công ty khai thác than cho Tập đoàn theo hợp đồng giữa Tập đoàn và Công ty.

5. Công ty được phép sử dụng nhãn hiệu "TKV" và "VINACOMIN" của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam ở tên gọi của Công ty bằng tiếng Việt và tiếng Anh theo Quy chế sử dụng nhãn hiệu của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam và quy định của pháp luật.

Ngoài các quy định trong Điều lệ này, Công ty có trách nhiệm thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty con đối với Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam theo Điều lệ của Tập đoàn và các quy chế quản lý trong nội bộ Tập đoàn mà Công ty là một thành viên.

6. Trụ sở đăng ký của Công ty:

- Địa chỉ: **185 đường Nguyễn Văn Cừ**

Phường Vàng Danh – Thành phố Uông Bí - Tỉnh Quảng Ninh;

- Điện thoại: 0333 853 108;

- Fax: 0333 853 120;

- E-mail: vangdanhcoal@vnn.vn

- Website: <http://www.vangdanhcoal.com.vn>

7. Giám đốc Công ty là đại diện theo pháp luật của Công ty.

8. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với Nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

9. Trừ khi chấm dứt hoạt động theo Điều 51 của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

Điều 3. Mục tiêu và ngành, nghề kinh doanh của Công ty

1. Mục tiêu hoạt động của Công ty là tối đa hoá các khoản lợi nhuận hợp lý cho Công ty, tăng lợi tức cho các cổ đông, đóng góp cho Ngân sách Nhà nước, đảm bảo quyền lợi cho người lao động và không ngừng phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

2. Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Khai thác và thu gom than cứng;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Khai thác và thu gom than bùn;
- Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn;
- Sửa chữa thiết bị khác;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác);
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Vận tải hàng hóa đường sắt;
- Sửa chữa thiết bị điện;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Vận tải hành khách đường bộ khác.
- Kinh doanh các ngành nghề khác phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Chương II:

VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ:

a) Vốn điều lệ của Công ty là 420.235.040.000 VNĐ (Bốn trăm hai mươi tỷ, hai trăm ba mươi lăm triệu, không trăm bốn mươi nghìn đồng). Vốn điều lệ của Công ty được chia thành 42.023.504 cổ phần với mệnh giá là 10.000 VNĐ/cổ phần.

b) Công ty có thể thay đổi mức vốn điều lệ (tăng, giảm vốn điều lệ) khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

2. Cổ phần:

a) Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này đều là cổ phần phổ thông, kể cả cổ phần do Nhà nước nắm giữ. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo cổ phần phổ thông được quy định tại Điều 11, Điều 12 của Điều lệ này.

b) Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

c) Cổ phần phổ thông không thể chuyển đổi thành cổ phần ưu đãi. Cổ phần ưu đãi có thể chuyển đổi thành cổ phần phổ thông khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

3. Cổ đông sáng lập là cổ đông tham gia xây dựng, thông qua và ký tên vào bản Điều lệ đầu tiên của Công ty. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các chi tiết khác của cổ đông sáng lập được nêu tại phụ lục đính kèm Điều lệ này. Trường hợp cổ đông sáng lập chuyển nhượng cổ phần theo quy định tại Điều 7 Điều lệ này, thì đương nhiên không còn là cổ đông sáng lập của Công ty, cổ đông nhận chuyển nhượng cổ phần có các quyền và trách nhiệm theo quy định của pháp luật và quy định tại Điều lệ này.

Điều 6. Chào bán, bán, mua lại cổ phần, phát hành chứng khoán

1. Chào bán cổ phần:

a) Chào bán cổ phần là việc Công ty tăng thêm số lượng cổ phần được quyền chào bán và bán các cổ phần đó trong quá trình hoạt động để tăng vốn điều lệ.

b) Chào bán cổ phần để tăng vốn điều lệ được thực hiện theo một trong các hình thức quy định tại Khoản 2, Điều 122 Luật doanh nghiệp gồm:

(i) Chào bán cho các cổ đông hiện hữu;

(ii) Chào bán ra công chúng;

(iii) Chào bán cổ phần riêng lẻ.

c) Việc chào bán cổ phần của Công ty thực hiện theo quy định tại các Điều 122, 123, 124 của Luật doanh nghiệp và quy định của pháp luật về chứng khoán.

2. Bán cổ phần:

Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá bán cổ phần. Giá bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ trường hợp quy định tại Điều 125 Luật doanh nghiệp phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

3. Mua lại cổ phần:

Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Công ty có thể mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán theo quy định tại Điều 130 Luật doanh nghiệp. Cổ phần được Công ty mua lại theo quy định tại Điều 129, 130 Luật doanh nghiệp được coi là cổ phần chưa bán theo quy định tại Khoản 4, Điều 111 Luật doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này và Luật chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan. Trường hợp Hội đồng quản trị thực hiện chào bán, Công ty phải làm thủ tục điều chỉnh giảm vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần được Công ty mua lại trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phần, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác.

4. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua bằng văn bản và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

5. Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự) được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của đại diện pháp luật của Công ty.

6. Tỷ lệ sở hữu cổ phần của Nhà đầu tư nước ngoài tối đa là 35% vốn điều lệ của Công ty.

Điều 7. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền biểu quyết, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán.

3. Trong vòng 3 năm kể từ ngày thành lập, các cổ đông sáng lập phải cùng nhau nắm giữ ít nhất 20% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty tại thời điểm đăng ký doanh nghiệp. Cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho cổ đông sáng lập khác. Trường hợp chuyển nhượng số cổ phần này cho những người không phải là cổ đông sáng lập thì cần phải có sự đồng ý của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp này, cổ đông dự định chuyển nhượng cổ phần không có quyền biểu quyết về việc chuyển nhượng các cổ phần đó và người nhận chuyển nhượng đương nhiên trở thành cổ đông sáng lập của Công ty.

4. Trừ khi Hội đồng quản trị có quy định khác (phù hợp với quy định của Luật doanh nghiệp), tất cả các cổ phần chuyển nhượng đều có thể thực hiện thông qua việc chuyển nhượng bằng văn bản theo cách thông thường, hoặc theo bất kỳ cách nào mà HĐQT có thể chấp nhận. Cổ phiếu đã niêm yết hoặc đăng ký giao dịch phải được chuyển nhượng thông qua Sở giao dịch chứng khoán phù hợp với

các quy định của Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán. Giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện ủy quyền của họ ký. Bên chuyển nhượng vẫn là người sở hữu cổ phần có liên quan cho đến khi tên của người nhận chuyển nhượng được đăng ký vào sổ đăng ký cổ đông (trừ trường hợp bên chuyển nhượng ủy quyền cho bên nhận chuyển nhượng tham dự Đại hội đồng cổ đông diễn ra trong thời gian đó theo quy định tại Luật doanh nghiệp).

5. Trong trường hợp một cổ đông bị chết hoặc được cơ quan nhà nước có thẩm quyền tuyên bố là mất tích, những người thừa kế hoặc những người quản lý tài sản của người chết, người mất tích sẽ được Công ty thừa nhận là người (hoặc những người) duy nhất có quyền hoặc hưởng lợi đối với cổ phần, nhưng quy định này không giải tỏa tài sản của cổ đông đã chết, đã mất tích khỏi mọi trách nhiệm gắn liền với bất kỳ cổ phần nào mà người đó nắm giữ. Trường hợp cổ phần của cổ đông bị chết, mất tích mà không có người thừa kế thì số cổ phần đó được giải quyết theo quy định của pháp luật dân sự.

6. Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại Công ty cho người khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Trường hợp này, người được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ là cổ đông của Công ty.

7. Trường hợp cổ đông có quyền chuyển nhượng một số cổ phần thì cổ phiếu cũ bị hủy bỏ và Công ty phát hành cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần đã chuyển nhượng và số cổ phần còn lại.

Điều 8. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phần. Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty theo quy định.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi,

3. Nếu sau thời hạn quy định, cổ đông chưa thanh toán hoặc chỉ thanh toán được một phần số cổ phần đã đăng ký mua thì thực hiện như sau:

a) Cổ đông chưa thanh toán toàn bộ số cổ phần đã đăng ký mua sẽ đương nhiên không còn là cổ đông của Công ty và không được chuyển nhượng quyền mua cổ phần đó cho người khác;

b) Cổ đông chỉ thanh toán một phần số cổ phần đã đăng ký mua sẽ có quyền biểu quyết, nhận lợi tức và các quyền khác tương ứng với số cổ phần đã thanh toán; không được chuyển nhượng quyền mua số cổ phần chưa thanh toán cho người khác;

c) Số cổ phần chưa thanh toán được coi là cổ phần chưa bán và Hội đồng quản trị có quyền thu hồi và quyết định phương án xử lý tiếp theo.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi do chưa thanh toán hoặc chưa thanh toán đủ số cổ phần đã đăng ký sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi (tính theo lãi suất tiền gửi không kỳ hạn VNĐ tại ngân hàng mà Công ty mở tài khoản) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày

thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.

6. Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

7. Cổ đông chưa thanh toán hoặc chưa thanh toán đầy đủ số cổ phần đã đăng ký mua phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với các nghĩa vụ tài chính của công ty phát sinh cho đến khi cổ phần bị thu hồi.

Điều 9. Chứng nhận cổ phiếu, sổ đăng ký cổ đông

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Chứng nhận cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật doanh nghiệp. Chứng nhận cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định tại Khoản 1, Điều 120 của Luật doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai tháng (hoặc có thể lâu hơn theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu hoặc bất kỳ một khoản phí gì.

4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu hủy, người sở hữu cổ phiếu đó có thể yêu cầu được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.

5. Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự), sẽ được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.

6. Sổ đăng ký cổ đông:

a) Công ty lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Cổ đông phổ thông và cổ đông ưu đãi khác có thể được đăng ký vào các sổ khác nhau. Sổ đăng ký cổ đông ít nhất phải có các nội dung sau:

- Tên, trụ sở chính của Công ty;
- Tổng số cổ phần được quyền phát hành, loại cổ phần được quyền phát hành và tổng số cổ phần được quyền phát hành của từng loại.
- Tổng số cổ phần đã phát hành từng loại và giá trị vốn của cổ phần đã góp.
- Tên cổ đông được sắp xếp theo vần chữ cái, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với các cổ đông là tổ chức, số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.

b) Sổ đăng ký cổ đông có thể được lập và lưu trữ bằng văn bản hoặc bằng tệp dữ liệu điện tử hoặc cả hai. Sổ đăng ký cổ đông có thể được lưu trữ tại trụ sở chính của Công ty hoặc nơi khác nhưng phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan đăng ký kinh doanh và tất cả các cổ đông biết. Các cổ đông có quyền xem xét và nhận được bản sao danh sách cổ đông Công ty trong giờ làm việc tại nơi lưu giữ sổ đăng ký cổ đông.

7. Trường hợp cổ đông có thay đổi địa chỉ thường trú thì phải thông báo kịp thời với Công ty để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ của cổ đông.

Chương III:

CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 10. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát của Công ty

1. Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

a) Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty;

b) Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông;

c) Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao;

d) Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra để thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.

2. Cơ cấu tổ chức của các chi nhánh và văn phòng đại diện của Công ty được quy định trong Quy chế tổ chức và hoạt động của các đơn vị đó do Hội đồng quản trị Công ty ban hành.

Mục 1:

CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 11. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:

a) Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b) Nhận cổ tức tương ứng theo số cổ phần sở hữu tùy thuộc vào kết quả kinh doanh hàng năm của Công ty và theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành, trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 7 Điều lệ này;

d) Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu, trừ trường hợp đại hội đồng cổ đông quyết định bán cổ phần cho các cổ đông mới;

đ) Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết đủ tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

e) Xem xét, tra cứu và trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

g) Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông nắm giữ loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;

h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình trong các trường hợp quy định tại Khoản 1, Điều 129 của Luật doanh nghiệp;

i) Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ 06 (Sáu) tháng trở lên, có các quyền sau:

a) Đề cử các thành viên HĐQT và Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại Khoản 5, Điều 24, Khoản 5 Điều 32 Điều lệ này;

b) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 114 và Điều 136 Luật Doanh nghiệp;

c) Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông;

d) Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát;

đ) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước, giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

e) Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị làm đại diện cho mình tại Đại hội đồng cổ đông.

g) Các quyền khác được quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

4. Quyền của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi (nếu có) sẽ do đại hội đồng cổ đông quyết định phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành các quyết định, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị Công ty;

2. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký theo quy định; không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì các thành viên Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra;

3. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần;

4. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a) Vi phạm pháp luật;

b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

5. Tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện các quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền; tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.

6. Hoàn thành các nghĩa vụ khác do pháp luật quy định và Điều lệ này.

Điều 13. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty và gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần và phải họp trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, cơ quan đăng ký kinh doanh (hoặc cấp có thẩm quyền) có thể gia hạn, nhưng không quá sáu tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường.

2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp nhưng phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề được luật pháp và Điều lệ này quy định. Đặc biệt, các cổ đông sẽ thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và dự toán ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau đây:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b) Việc triệu tập là cần thiết nếu các kiểm toán viên độc lập được chỉ định đề nghị thảo luận về báo cáo kiểm toán hoặc về tình hình tài chính của Công ty và Hội đồng quản trị cũng nhận thấy như vậy;

c) Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất từ 30% trở lên so với số đầu kỳ;

d) Khi số thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ;

đ) Một cổ đông hoặc một nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 11 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội bằng một văn bản. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản, trong đó mỗi bản phải có chữ ký của tối thiểu một cổ đông có liên quan.

e) Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cao cấp vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 của Luật doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình.

g) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

4. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường:

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số thành viên nêu tại Điểm d Khoản 3 Điều này.

Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty.

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập cuộc họp như quy định tại điểm a khoản này, thì trong vòng 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản , Điều 136 Luật doanh nghiệp.

Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Trưởng ban kiểm soát, các thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty.

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập cuộc họp, những cổ đông hoặc một nhóm cổ đông có yêu cầu nêu tại điểm e, khoản 3 của Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký doanh nghiệp giám sát trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

d) Người triệu tập phải lập và chốt danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông, cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông, lập chương trình và nội dung cuộc họp, chuẩn bị tài liệu, xác định thời gian và địa điểm họp, gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Điều lệ này.

đ) Tất cả các chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:

- a) Báo cáo tài chính hàng năm được kiểm toán;
- b) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và Giám đốc Công ty;
- c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng thành viên Ban kiểm soát viên;
- đ) Định hướng phát triển Công ty (kế hoạch dài hạn).

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định, nghị quyết bằng văn bản về các vấn đề sau:

- a) Thông qua các báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán;
- b) Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;
- c) Lựa chọn công ty kiểm toán;
- d) Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- đ) Bầu, bãi miễn, thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.
- e) Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- g) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ, trừ trường hợp điều chỉnh vốn điều lệ do bán thêm cổ phần mới trong phạm vi số lượng cổ phần được quyền chào bán đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước đó phù hợp với quy định của pháp luật; và trừ trường hợp điều chỉnh vốn điều lệ do Công ty mua lại cổ phần theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông nhưng không thực hiện chào bán.
- h) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần, và việc chuyển nhượng cổ phần của cổ đông sáng lập cho người không phải là cổ đông sáng lập trong vòng 3 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
- i) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
- j) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định Ban/người thanh lý;
- k) Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;
- l) Quyết định đầu tư, quyết định giao dịch mua, bán tài sản của Công ty hoặc chi nhánh có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
- m) Quyết định việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác với tổng giá trị góp vốn, mua cổ phần từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;
- n) Công ty mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại được chào bán trong 12 tháng;

o) Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1, Điều 162 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;

p) Công ty hoặc chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1, Điều 162 của Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty hoặc chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất

q) Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty.

3. Cổ đông không được bỏ phiếu cho bất kỳ một nghị quyết nào để thông qua:

a) Các hợp đồng, giao dịch quy định tại Điểm o Khoản 2 Điều này nếu cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng hay giao dịch;

b) Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan đến cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở giao dịch chứng khoán.

4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

Điều 15. Các đại diện được uỷ quyền

1. Cổ đông là cá nhân, người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức trực tiếp hoặc uỷ quyền bằng văn bản cho một người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp cổ đông là tổ chức không có người đại diện theo uỷ quyền theo quy định tại khoản 4 Điều này thì uỷ quyền người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông. Đại diện được uỷ quyền không nhất thiết phải là cổ đông.

2. Việc chỉ định đại diện được uỷ quyền phải được lập bằng văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a) Trường hợp cổ đông là cá nhân là người uỷ quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được uỷ quyền dự họp;

b) Trường hợp người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức là người uỷ quyền thì giấy uỷ quyền phải có chữ ký của người đại diện theo uỷ quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp;

c) Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp;

Người được uỷ quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản uỷ quyền trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người uỷ quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với thư uỷ quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của thư uỷ quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

4. Cổ đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số người đại diện theo uỷ quyền thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của pháp luật; trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo uỷ quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo uỷ quyền phải được thông báo bằng văn bản đến Công ty trong thời hạn sớm nhất. Thông báo phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số và ngày quyết định thành lập hoặc ngày được cấp Giấy đăng ký doanh nghiệp của cổ đông;
- b) Số lượng cổ phần, loại cổ phần và ngày đăng ký cổ đông tại Công ty;
- c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước, giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện theo uỷ quyền;
- d) Số cổ phần được uỷ quyền đại diện;
- đ) Thời hạn đại diện theo uỷ quyền;
- e) Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo uỷ quyền và người đại diện theo pháp luật của cổ đông.

Công ty phải gửi thông báo về người đại diện theo uỷ quyền quy định tại khoản này đến cơ quan đăng ký kinh doanh trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo.

5. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được uỷ **quyền dự họp trong phạm vi được uỷ quyền vẫn có hiệu lực ngay cả khi người uỷ quyền đã:**

- a) Chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b) Huỷ bỏ việc chỉ định uỷ quyền;
- c) Huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc uỷ quyền;

Tuy nhiên, quy định này sẽ không áp dụng nếu Công ty nhận được thông báo bằng văn bản về một trong các trường hợp trên bốn mươi tám (48) giờ trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

6. Trường hợp cổ phần được chuyển nhượng trong thời gian từ ngày lập xong danh sách cổ đông đến ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông thì người nhận chuyển nhượng có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông thay thế cho người chuyển nhượng đối với số cổ phần đã chuyển nhượng.

7. Người đại diện theo uỷ quyền phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;
- b) Không thuộc đối tượng bị cấm lập và quản lý doanh nghiệp;
- c) Cổ đông nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ không được cử vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của người quản lý và của người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty làm người đại diện theo uỷ quyền tại công ty khác;

8. Trách nhiệm của người đại diện theo uỷ quyền cho tổ chức hoặc cá nhân thực hiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế quản lý của tổ chức cử người đại diện theo uỷ quyền hoặc theo yêu cầu của cá nhân uỷ quyền.

9. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Uỷ quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.

Điều 16. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 51% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua.

2. Việc tổ chức một cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu tại Khoản 1 Điều này chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai cổ đông (hoặc đại diện được uỷ quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì sẽ tổ chức họp lại trong vòng ba mươi ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện đều có thể yêu cầu bỏ phiếu kín và mỗi người khi bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 18 và Điều 19 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản về phát hành cổ phần được quy định khác đi, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi trong một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty sẽ không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông, hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại điểm b, Khoản 4 Điều 13 hoặc tại điểm c, Khoản 4 Điều 13.

2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

a) Dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Công ty, chuẩn bị và chốt danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội không sớm hơn ngày trước ngày trước ngày gửi Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông; chuẩn bị chương trình họp, và các tài liệu phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty;

b) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

c) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán, trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm theo thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang **thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận**.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Khoản 3 Điều 11 của Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất 3 ngày làm việc trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao

gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến khoản 4 của Điều này, nếu:

- a) Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
- b) Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ từ 5% trở lên cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục từ 6 tháng trở lên;
- c) Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại Khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định ở Khoản 5 Điều này. Kiến nghị sẽ được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

7. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.

8. Trường hợp tất cả cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền tại Đại hội đồng cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông không theo đúng thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.

Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất không có đủ số lượng đại biểu cần thiết theo quy định tại Khoản 1 Điều này, thì trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập họp lần thứ hai trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết theo quy định tại Khoản 2 Điều này thì trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội đồng cổ đông lần thứ hai, và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất dự kiến phê chuẩn.

4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Khoản 3 Điều 17 Điều lệ này.

Điều 19. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

1. Trước hoặc vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết. Thời gian thực hiện việc đăng ký do Hội đồng quản trị quyết định. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết,

trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.

2. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không được dừng cuộc họp để những người đến muộn đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành không bị ảnh hưởng.

3. Chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu của Đại hội đồng cổ đông được quy định như sau:

a) Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập sẽ do Chủ tịch Hội đồng quản trị làm Chủ tọa, trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được Chủ tọa thì Trưởng ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp.

b) Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất sẽ làm Chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa đề cử một hoặc một số người làm thư ký để lập biên bản đại hội;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu trong số đại biểu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa; Số thành viên của Ban kiểm phiếu do Đại hội cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa nhưng không vượt quá số người theo quy định của pháp luật hiện hành.

4. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngay trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

5. Quyết định của Chủ tọa về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất.

6. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình của Đại hội. Việc biểu quyết tại đại hội được tiến hành bằng cách thu thẻ biểu quyết tán thành nghị quyết, sau đó thu thẻ biểu quyết không tán thành, cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu sẽ được chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó hoặc công bố trước khi bế mạc Đại hội đồng cổ đông.

7. Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có thể hoãn họp đại hội ngay cả trong trường hợp đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do Chủ tọa quyết định mà không cần lấy ý kiến của đại hội nếu nhận thấy rằng (a) các thành viên tham dự không thể có chỗ ngồi thuận tiện ở địa điểm tổ chức đại hội, (b) hành vi của những người có mặt làm mất trật tự hoặc có khả năng làm mất trật tự của cuộc họp, (c) các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không đảm bảo cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết hoặc (d) sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của đại hội được tiến hành một cách hợp lệ. Ngoài ra, Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết. Thời gian hoãn tối đa không quá ba ngày kể từ ngày dự định khai mạc đại hội. Đại hội họp lại sẽ chỉ xem xét các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại đại hội bị trì hoãn trước đó.

8. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định trên, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế Chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.

9. Chủ tọa và thư ký Đại hội đồng cổ đông có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

10. Hội đồng quản trị có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng quản trị cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, Hội đồng quản trị sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nói trên tham gia Đại hội.

11. Hội đồng quản trị, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng quản trị cho là thích hợp để:

- a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó;
- c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội;

Hội đồng quản trị có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Hội đồng quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

12. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nói trên, Hội đồng quản trị khi xác định địa điểm Đại hội có thể:

- a) Thông báo rằng đại hội sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội sẽ có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);
- b) Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của Đại hội có thể đồng thời tham dự Đại hội;

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo điều khoản này.

13. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông sẽ được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội.

Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đối với các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

- a) Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Công ty;
- b) Định hướng phát triển Công ty (kế hoạch phát triển dài hạn);
- c) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

đ) Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Công ty;

e) Quyết định dự án đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản của Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua do Công ty hoặc chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;

g) Quyết định việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác với tổng giá trị góp vốn, mua cổ phần từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;

h) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;

i) Các hình thức tổ chức lại, giải thể, phá sản Công ty;

3. Nghị quyết về các nội dung sau đây được thông qua khi có từ **65%** tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông:

a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

b) Thay đổi ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh;

c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty về mô hình hoạt động và Người đại diện theo pháp luật quy định tại Điều 134 Luật doanh nghiệp;

d) Quyết định dự án đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản của Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua do Công ty hoặc chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;

đ) Quyết định việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác với tổng giá trị góp vốn, mua cổ phần từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;

e) Các hình thức tổ chức lại, giải thể, phá sản Công ty;

g) Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Công ty.

4. Nghị quyết về các nội dung khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi có từ **51%** tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông trừ các nội dung quy định tại Khoản 3 Điều này.

5. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu được quy định tại Điều 34 Điều lệ này.

6. Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày quyết định được thông qua, hoặc được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty.

Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty (trừ các nội dung quy định tại Khoản 2, Điều 20 Điều lệ này phải được biểu quyết thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông). Trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì quyết định của Đại

hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng cổ đông. HĐQT phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký doanh nghiệp của Công ty;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước, giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước, giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

e) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty;

h) Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức;

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty theo một trong các hình thức sau đây:

a) Gửi thư. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu.

b) Gửi Fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua Fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi Fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết;

5. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký doanh nghiệp ;

- b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- đ) Các vấn đề đã được thông qua;
- e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty và của người giám sát kiểm phiếu;

Các thành viên Hội đồng quản trị và người kiểm phiếu, giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

6. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn 24 giờ, trường hợp Công ty chưa có website thì phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết, quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như Nghị quyết, quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi vào sổ biên bản của Công ty, có thể được ghi âm hoặc ghi và lưu trữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể cả bằng tiếng nước ngoài và phải có các nội dung theo quy định tại Điều 146 Luật doanh nghiệp, có chữ ký của Chủ tọa đại hội và Thư ký.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp; phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn 24 giờ, trường hợp Công ty chưa có website thì phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp.

3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản, chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, các bản ghi chép, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản ủy quyền tham dự, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.

Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3,

Điều 11 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần của nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
2. Trình tự, thủ tục ra nghị quyết và nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

Trường hợp nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

Mục 2:

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người do Đại hội đồng cổ đông bầu và bãi miễn. Số thành viên Hội đồng quản trị độc lập hoặc không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên HĐQT không điều hành độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là người nắm giữ cổ phần của Công ty.

2. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị.

3. Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị mới được bầu và tiếp quản công việc.

4. Các thành viên của Hội đồng quản trị do các cổ đông đề cử theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông. Các cổ đông được quyền gộp tỷ lệ sở hữu cổ phần vào với nhau để bỏ phiếu đề cử các thành viên Hội đồng quản trị.

5. Giới thiệu, đề cử vào Hội đồng quản trị

Các cổ đông nắm giữ ít hơn 5% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

6. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do Công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

7. Một thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

a) Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị nữa theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;

b) Gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;

c) Bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự;

d) Vắng mặt, không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng 6 tháng mà không có sự cho phép của Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;

đ) Bị bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

e) Không còn là đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức theo quyết định của tổ chức đó;

g) Là đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức, nhưng tổ chức đó không còn là cổ đông của Công ty nữa.

8. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị mới để thay thế chỗ trống bất ngờ phát sinh trong Hội đồng quản trị và thành viên này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội đồng quản trị cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.

9. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát, chỉ đạo Giám đốc và các cán bộ quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty.

3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:

a) Xác định các mục tiêu hoạt động cho chiến lược phát triển Công ty, kế hoạch phát triển ngắn hạn, trung hạn trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b) Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm của Công ty;

c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật, cho nghỉ chế độ, quyết định mức lương và lợi ích khác đối với Giám đốc Công ty và các chức danh cán bộ quản lý khác trên cơ sở Quy chế quản lý của Công ty theo đề nghị của Giám đốc; Quyết định cử người đại diện thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở công ty khác cùng với mức thù lao và lợi ích khác của những người đó. Tuy nhiên, việc bãi nhiệm các chức danh cán bộ quản lý Công ty không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có).

d) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty; quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty; Quyết định việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác với tổng giá trị góp vốn, mua cổ phần dưới 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán theo đề nghị của Giám đốc Công ty;

đ) Đề xuất việc tổ chức lại, chia tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công ty;

e) Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý chống lại cán bộ quản lý đó;

g) Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại; Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác; Quyết định tiến độ huy động vốn điều lệ của Công ty; Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại Khoản 1 Điều 130 Luật doanh nghiệp;

h) Đề xuất việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước; Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;

i) Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; tổ chức việc chi trả cổ tức; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

k) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của Điều lệ này và Luật doanh nghiệp;

l) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

m) Chấp thuận các hợp đồng và giao dịch được ký với công ty và những đối tượng được quy định tại Khoản 1, Điều 162 Luật doanh nghiệp có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, trừ hợp đồng và giao dịch thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Người đại diện Công ty ký hợp đồng phải thông báo các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó, đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hoặc giao dịch trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo, thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết;

n) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Quy định này không áp dụng với hợp đồng giao dịch quy định tại điểm 1 Khoản 2 Điều 14 Điều lệ này, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 162 Luật doanh nghiệp.

o) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;

- p) Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
- q) Báo cáo Đại hội đồng cổ đông biết việc Hội đồng quản trị bỏ nhiệm Giám đốc.

4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:

a) Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 148 của Luật doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại điểm d Khoản 2 Điều 135, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 162 Luật doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê tóm công ty và liên doanh);

b) Việc chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và luật sư của Công ty;

c) Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;

d) Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh hoặc vượt quá giá trị kế hoạch;

đ) Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp của Công ty tại những công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;

e) Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;

g) Việc Công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% cổ phần theo từng loại, bao gồm cả mức giá mua hoặc thu hồi;

h) Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quản trị quyết định cần phải có sự chấp thuận của các thành viên Hội đồng quản trị trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;

i) Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty.

5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính hàng năm của Công ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.

6. Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho viên chức cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty, trừ khi luật pháp có quy định khác.

7. Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

8. Khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trong trường hợp này, cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục trong thời hạn ít nhất sáu tháng có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị đình chỉ thực hiện quyết định nói trên.

9. Các thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình với tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao của Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty, phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên.

10. Tổng số tiền trả cho các thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.

11. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị), hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

12. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên HĐQT của mình, kể cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng, hoặc các tiểu ban của HĐQT hoặc Đại hội đồng cổ đông.

Điều 26. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn và bầu một thành viên HĐQT làm Chủ tịch HĐQT. Trừ khi Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ không kiêm chức Giám đốc của Công ty. Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức Giám đốc phải được phê chuẩn hàng năm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch HĐQT thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 152 Luật doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và nghĩa vụ sau đây:

- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT;
- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và Chủ tọa cuộc họp HĐQT;
- c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết của HĐQT;
- d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các Nghị quyết của HĐQT;
- đ) Chủ tọa cuộc họp HĐQT, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- e) Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm Giám đốc Công ty theo quy định tại Khoản 2 Điều 152 Luật doanh nghiệp.

3. Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm dự thảo, chủ trì việc thông qua Quy chế hoạt động của HĐQT và phân công nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT Công ty.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười ngày.

Điều 27. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Cuộc họp bầu Chủ tịch HĐQT.

Cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ HĐQT để bầu ra Chủ tịch HĐQT và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Các cuộc họp định kỳ.

Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập họp HĐQT phải triệu tập và gửi thông báo mời họp HĐQT chậm nhất 05 ngày làm việc trước ngày họp, lập chương trình nghị sự, xác định cụ thể thời gian, địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Chủ tịch HĐQT có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất mỗi quý phải họp một lần.

3. Các cuộc họp bất thường.

Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập;
- b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên điều hành của Hội đồng quản trị;

d) Các trường hợp khác do Điều lệ Công ty quy định.

Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 Điều này phải được tiến hành trong thời hạn 07 ngày sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 3 Điều này có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

6. Địa điểm họp.

Các cuộc họp HĐQT sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và sự nhất trí của HĐQT.

7. Thông báo và chương trình họp.

Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất 05 ngày trước khi tổ chức họp, đồng thời gửi các thành viên Ban kiểm soát hoặc Giám đốc Công ty không phải là thành viên HĐQT; các thành viên HĐQT có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo họp HĐQT phải được làm bằng văn bản

tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp HĐQT và các phiếu biểu quyết cho thành viên HĐQT.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại công ty.

8. Số thành viên tham dự tối thiểu.

a) Cuộc họp của Hội đồng quản trị theo giấy triệu tập lần thứ nhất được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền);

b) Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định mục a khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định, thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trong trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp;

c) Nếu không đủ số lượng thành viên như vậy thì cuộc họp HĐQT sẽ được tổ chức lại lần thứ ba vào ngày làm việc tiếp theo tại cùng một địa điểm và cùng thời gian, khi đó cuộc họp HĐQT luôn là hợp lệ mà không phụ thuộc vào số lượng thành viên tham dự.

9. Biểu quyết.

a) Trừ trường hợp quy định tại điểm b Khoản 9 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết;

b) Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Một thành viên Hội đồng quản trị sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c) Theo quy định tại điểm d, Khoản 9 Điều này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ tọa cuộc họp và phán quyết của chủ tọa liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d) Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Khoản 1 Điều 162 của Luật doanh nghiệp sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

10. Công khai lợi ích.

Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp một thành viên HĐQT không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm họp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên HĐQT này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

11. Biểu quyết đa số.

Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số (trên 50%) thành viên dự họp chấp thuận. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

12. Việc bỏ phiếu của người vắng mặt.

Thành viên không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác. Phiếu biểu quyết bằng văn bản phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

13. Họp trên điện thoại hoặc các hình thức khác.

Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- a) Nghe từng thành viên Hội đồng khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- b) Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp, qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo Điều lệ này, thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đông nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

14. Nghị quyết bằng văn bản.

Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết. Nghị quyết loại này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.

15. Biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị.

Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn 10 ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt, có các nội dung chủ yếu theo Điều 154 Luật doanh nghiệp và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp hoặc Biên bản được lập thành nhiều bản và mỗi biên bản có chữ ký ít nhất của 01 thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp và có đóng dấu của Công ty. Cuộc họp Hội đồng quản trị có thể ghi âm, ghi và lưu trữ dưới hình thức điện tử khác.

16. Những người được mời họp dự thính.

Thư ký HĐQT, Giám đốc, các thành viên Ban kiểm soát, những cán bộ quản lý khác (nếu không phải là thành viên HĐQT) và các chuyên gia của một bên thứ ba có thể dự họp HĐQT theo lời mời của HĐQT nhưng không được biểu quyết trừ khi bản thân họ có quyền được biểu quyết như thành viên HĐQT.

17. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

Hội đồng quản trị có thể thành lập và uỷ quyền hành động cho các tiểu ban trực thuộc. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được uỷ thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng (a) phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban và (b) nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

18. Giá trị pháp lý của hành động.

Các hành động thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị sẽ được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có sai sót.

Mục 3:

GIÁM ĐỐC CÔNG TY, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY

Điều 28. Tổ chức bộ máy quản lý

Công ty thiết lập và ban hành một hệ thống quản lý mà theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm và trực thuộc sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có một Giám đốc, một số Phó giám đốc điều hành và một Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác theo Quy chế quản lý do HĐQT bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh nêu trên phải được thực hiện bằng nghị quyết HĐQT được thông qua một cách hợp thức. Giám đốc và các Phó giám đốc Công ty có thể đồng thời cùng là thành viên HĐQT.

Điều 29. Cán bộ quản lý

1. Theo đề nghị của Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được quyền tuyển dụng, sử dụng cán bộ quản lý cần thiết với số lượng và chất lượng phù hợp với cơ cấu và cơ chế quản lý công ty. Cán bộ quản lý phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.

2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các chế độ chính sách khác đối với Giám đốc Công ty sẽ do Hội đồng quản trị quyết định.

3. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với cán bộ quản lý khác sẽ do HĐQT quyết định trên cơ sở đề xuất của Giám đốc.

4. Tiền lương của Giám đốc và cán bộ quản lý khác của Công ty được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty, phải báo cáo đại hội đồng cổ đông thường niên.

Điều 30. Bổ nhiệm, bãi miễn, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc

1. Bổ nhiệm.

HDQT bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Giám đốc Công ty và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Giám đốc Công ty phải được báo cáo trong Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty.

2. Nhiệm kỳ.

Nhiệm kỳ của Giám đốc là 05 năm trừ khi HDQT có quy định khác và có thể được tái bổ nhiệm.

3. Tiêu chuẩn.

Giám đốc Công ty phải có tiêu chuẩn theo Điều 65 Luật doanh nghiệp và không được phép là những người bị pháp luật cấm giữ chức vụ này, tức là những người vị thành niên, người không đủ năng lực hành vi, người đã bị kết án tù, người đang thi hành hình phạt tù, nhân viên lực lượng vũ trang, các cán bộ công chức nhà nước và người đã bị phán quyết là đã làm cho Công ty mà họ từng lãnh đạo trước đây bị phá sản.

4. Quyền hạn và nhiệm vụ.

a) Thực hiện các nghị quyết, quyết định của HDQT và Đại hội đồng cổ đông; tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HDQT và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b) Quyết định tất cả các vấn đề không thuộc thẩm quyền hoặc cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng và giao dịch tài chính và thương mại theo thẩm quyền hoặc các hợp đồng, giao dịch đã được HDQT, Đại hội đồng cổ đông thông qua theo quy định của Điều lệ này, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

c) Đề nghị Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức hoặc ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật, cho nghỉ chế độ, quyết định mức lương của Phó giám đốc, Kế toán trưởng Công ty, các cán bộ quản lý khác theo Quy chế quản lý của Công ty và cử, bãi miễn người đại diện quản lý phần vốn của Công ty đầu tư ở doanh nghiệp khác;

d) Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật, xếp lương, cho nghỉ chế độ đối với các chức danh cán bộ, nhân viên trong Công ty không thuộc diện phải trình HDQT phê chuẩn (đối với những chức danh cần phải được sự thông qua của HDQT thì chỉ được quyết định sau khi đã báo cáo và được HDQT thông qua);

đ) Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động của Công ty. Tuyển dụng lao động, ký kết hợp đồng lao động, bố trí sử dụng, quyết định lương và phụ cấp (nếu có), khen thưởng, kỷ luật, cho nghỉ chế độ hoặc cho thôi việc người lao động trong Công ty theo quy định của pháp luật về lao động và quy chế của Công ty;

e) Đề nghị Hội đồng quản trị quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty, góp vốn mua cổ phần doanh nghiệp khác;

g) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh; đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

h) Xây dựng dự thảo chiến lược phát triển, kế hoạch phát triển ngắn hạn, trung hạn, kế hoạch kinh doanh hàng năm, các dự án đầu tư, các quy chế quản lý nội bộ của Công ty để trình HĐQT;

i) Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;

k) Chậm nhất vào ngày 31 tháng 10 hàng năm, Giám đốc Công ty phải trình HĐQT phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu kinh doanh và phù hợp với kế hoạch tài chính 5 năm;

l) Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của HĐQT, hợp đồng lao động của Giám đốc Công ty và pháp luật;

m) Có quyền từ chối thực hiện những quyết định của Chủ tịch hay thành viên HĐQT nếu thấy trái pháp luật, trái Điều lệ này hoặc trái với nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; đồng thời phải có trách nhiệm thông báo ngay bằng văn bản cho Ban kiểm soát;

n) Được quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong những trường hợp khẩn cấp như thiên tai, hỏa hoạn, sự cố bất khả kháng và chịu trách nhiệm về các quyết định này, đồng thời báo cáo ngay cho Hội đồng quản trị;

5. Báo cáo lên Hội đồng quản trị và các cổ đông.

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo cho những cơ quan này khi được yêu cầu.

6. Bãi nhiệm.

HQĐT có thể bãi nhiệm Giám đốc Công ty khi có đa số (trên 50%) thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Giám đốc Công ty mới thay thế. Giám đốc Công ty bị bãi nhiệm có quyền phản đối việc bãi nhiệm này tại Đại hội đồng cổ đông tiếp theo gần nhất.

7. Từ nhiệm hoặc mất tư cách.

a) Khi muốn từ nhiệm, Giám đốc Công ty phải có đơn gửi HĐQT. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đơn, HĐQT phải xem xét và quyết định;

b) Giám đốc Công ty mất tư cách khi bị chết, mất trí, mất quyền công dân hoặc tự ý bỏ nhiệm sở 3 ngày trở lên. Trong trường hợp này, HĐQT phải tạm cử người thay thế không quá 30 ngày và tiến hành các thủ tục bổ nhiệm Giám đốc mới.

8. Ủy quyền, ủy nhiệm.

a) Giám đốc Công ty có thể ủy quyền hoặc ủy nhiệm cho các phó giám đốc hoặc người khác thay mình giải quyết một số phần việc của Công ty và chịu trách nhiệm pháp lý về sự ủy quyền hoặc ủy nhiệm đó;

b) Người được ủy quyền, ủy nhiệm phải chịu trách nhiệm pháp lý trước Giám đốc Công ty và pháp luật về những công việc mình làm;

c) Sự uỷ quyền, uỷ nhiệm liên quan đến con dấu của Công ty phải được thực hiện bằng văn bản và có thời hạn;

Điều 31. Thư ký Công ty

1. HĐQT chỉ định một hoặc một số người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản về thù lao, quyền lợi và nhiệm vụ của Thư ký Công ty theo quyết định của Hội đồng, đồng thời có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty vào bất kỳ thời điểm nào nhưng không trái với các quy định pháp luật về lao động hiện hành.

2. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:

a) Chuẩn bị các cuộc họp của HĐQT, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của HĐQT hoặc Ban kiểm soát;

b) Làm biên bản các cuộc họp;

c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d) Tham dự các cuộc họp;

đ) Đảm bảo các nghị quyết của HĐQT phù hợp với luật pháp.

e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

3. Thư ký Công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Mục 4:

BAN KIỂM SOÁT

Điều 32. Thành viên Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là ba (03) thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu và bãi miễn. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát là (05) năm; thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát không được giữ các chức vụ quản lý Công ty; không phải là vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và cán bộ quản lý khác. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty. Thành viên Ban kiểm soát phải có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

3. Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty và phải có hơn một nửa số thành viên thường trú tại Việt Nam.

4. Ban kiểm soát phải bầu một thành viên làm Trưởng ban. Trưởng ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc **kiểm** toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty, không phải là người làm việc trong bộ phận kế toán tài chính và không phải là Giám đốc tài chính của công ty. Trưởng ban kiểm soát có quyền và trách nhiệm sau:

a) Triệu tập và chủ trì cuộc họp Ban kiểm soát;

b) Yêu cầu HĐQT, Giám đốc Công ty và các cán bộ quản lý khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của Ban kiểm soát;

c) **Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông;**

5. Giới thiệu, đề cử vào Ban kiểm soát.

Các cổ đông nắm giữ ít hơn 5% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

6. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng viên vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Cơ chế ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

7. Thành viên Ban kiểm soát không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:

a) Thành viên đó bị pháp luật cấm làm thành viên Ban kiểm soát hoặc không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 164 Luật doanh nghiệp;

b) Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính cho Công ty;

c) Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi dân sự;

d) Thành viên đó không thực hiện nghĩa vụ của mình, vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng sáu tháng liên tục, và trong thời gian này Ban kiểm soát không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;

đ) Thành viên đó bị miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông do không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này;

e) Không còn là đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức theo quyết định của tổ chức đó;

g) Là đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức, nhưng tổ chức đó không còn là cổ đông của Công ty nữa.

8. Ban kiểm soát có thể được thay thế khi có chỗ trống bất ngờ phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc thay thế thành viên mới đó sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được Ban kiểm soát thay thế. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát mới được tính từ ngày việc thay thế có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Ban kiểm soát. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Ban kiểm soát cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Ban kiểm soát thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.

9. Trường hợp Ban kiểm soát vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình có nguy cơ gây thiệt hại cho Công ty thì Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông để xem xét và miễn nhiệm Ban kiểm soát đương nhiệm và bầu Ban kiểm soát mới thay thế.

10. Trong trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nhiệm vụ cho đến khi Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 33. Quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát

1. Quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:

a) Giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao;

b) Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cân trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;

c) Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và sáu tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị. Trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm của Công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;

d) Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty

đ) Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 11 của Điều lệ này;

e) Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 11 của Điều lệ này, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;

g) Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;

h) Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Công ty quy định tại Điều 160 Luật doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

i) Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của công ty kiểm toán độc lập; thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán; thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;

k) Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý Công ty; xem xét báo cáo của Công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận; xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý Công ty;

l) Ban kiểm soát có quyền sử dụng tư vấn độc lập hoặc bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao;

m) Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;

n) Tham dự các cuộc họp của HĐQT theo giấy mời, phát biểu ý kiến nhưng không được tham gia biểu quyết;

o) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ này và quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

2. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát:

a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến các thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT

b) Thành viên của Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty và cán bộ quản lý phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát.

c) Thư ký Công ty phải đảm bảo rằng toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên HĐQT và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị, họp Đại hội đồng cổ đông sẽ phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm và theo cách thức như đối với thành viên HĐQT.

d) Báo cáo của Giám đốc trình HĐQT hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT

đ) Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc;

e) Báo cáo và tài liệu do Hội đồng quản trị liên quan đến kết quả kinh doanh, báo cáo tài chính, báo cáo đánh giá công tác quản lý điều hành Công ty phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông.

3. Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là hai người.

4. Tiền lương hoặc mức thù lao và chi phí hoạt động cho thành viên Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông quy định và được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty, phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán các khoản chi phí đi lại, ăn, ở, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

5. Nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát:

a) Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao;

b) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông của Công ty;

c) Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông Công ty; không được sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

d) Trường hợp vi phạm nghĩa vụ quy định tại các mục a, b, c của Khoản này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì các thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó;

Mọi thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp có được do vi phạm nghĩa vụ quy định tại mục c khoản này đều thuộc sở hữu của Công ty.

đ) Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm nghĩa vụ trong thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao thì Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

Mục 5:

BẦU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT

Điều 34. Bầu Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

1. Các cổ đông phổ thông tự nguyện tập hợp thành nhóm thoả mãn các điều kiện quy định để đề cử người vào HĐQT và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết chậm nhất ngay khi khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty sẽ thông báo cho các cổ đông dự họp về thông tin trên tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Căn cứ số lượng thành viên HĐQT và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 11 được quyền đề cử một hoặc một số người làm ứng cử viên HĐQT và Ban kiểm soát theo quy định tại Khoản 5 Điều 24 và Khoản 5 Điều 32 tương ứng. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử thì số ứng cử viên còn lại do HĐQT, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu hoặc đại diện nhân với số thành viên được bầu của HĐQT hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

4. Những người trúng cử thành viên HĐQT hoặc thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử.

5. Trường hợp bầu lần thứ nhất không đủ số lượng thành viên HĐQT và Ban kiểm soát theo quy định thì phải tiến hành bầu tiếp lần hai trong số những người đã được đề cử của lần thứ nhất còn lại. Trường hợp khi bầu lần thứ hai vẫn chưa đủ số lượng quy định thì Đại hội đồng cổ đông quyết định có bầu tiếp hay không, nếu Đại hội đồng cổ đông không quyết định được thì chủ toạ Đại hội quyết định.

Mục 6:

NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HĐQT, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT GIÁM ĐỐC CÔNG TY VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC

Điều 35. Trách nhiệm cẩn trọng của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc Công ty và cán bộ quản lý

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc Công ty và cán bộ quản lý khác được uỷ thác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực và theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của Công ty và với một mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng thường có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

Điều 36. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc Công ty và cán bộ quản lý khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của bất kỳ tổ chức hoặc cá nhân nào khác.

2. Thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc Công ty và cán bộ quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT tất cả lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. Những đối tượng nêu trên chỉ có thể sử dụng những cơ hội đó khi các thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan đã quyết định không truy cứu vấn đề này.

3. Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc Công ty, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân nào mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp các khoản vay hoặc bảo lãnh nêu trên đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc Công ty, cán bộ quản lý khác, hoặc những người liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc Công ty, cán bộ quản lý khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính, sẽ không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan; hoặc

b) Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;

c) Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được

Hội đồng quản trị hoặc một tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị hay các cổ đông cho phép thực hiện, thông qua hoặc phê chuẩn.

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc Công ty, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 37. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Trách nhiệm về thiệt hại.

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc Công ty và cán bộ quản lý khác vi phạm nghĩa vụ hành động một cách trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Bồi thường.

Công ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

a) Đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;

b) Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

Chương IV:

QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 38. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nêu tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền, gửi một văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của Công ty danh sách cổ đông, các biên bản của Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện, hoặc một bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

2. Thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc Công ty và cán bộ quản lý khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

3. Công ty sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản, nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông và HĐQT, các báo cáo của HĐQT và Ban kiểm soát, báo cáo tài chính, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.

4. Mọi cổ đông đều có quyền được Công ty cấp một bản Điều lệ Công ty miễn phí (trường hợp Công ty chưa có website). Nếu Công ty có một website, Điều lệ Công ty phải được công bố trên website của Công ty.

Chương V:

NGƯỜI LAO ĐỘNG, CÔNG ĐOÀN VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI TRONG CÔNG TY

Điều 39. Người lao động, công đoàn và tổ chức chính trị - xã hội

1. Giám đốc Công ty phải lập kế hoạch để HĐQT thông qua về các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, lao động, buộc thôi việc, lương bổng, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với cán bộ quản lý và người lao động cũng như những mối quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn được công nhận theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

2. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam.

3. Tổ chức công đoàn, các tổ chức chính trị - xã hội khác trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và điều lệ của các tổ chức đó.

4. Công ty có nghĩa vụ tôn trọng và không được cản trở, gây khó khăn trong việc thành lập tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội tại Công ty; không được cản trở, gây khó khăn cho người lao động tham gia hoạt động trong các tổ chức này; tạo điều kiện cho các tổ chức trên hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ và điều lệ của mình.

Chương VI:

PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 40. Phân phối lợi nhuận

1. Lợi nhuận trước thuế của Công ty sau khi bù đắp lỗ năm trước (nếu có) theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, trích quỹ Phát triển khoa học và công nghệ (nếu có) theo quy định, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp và hoàn thành các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật phần còn lại được sử dụng như sau:

a) Chia cổ tức;

b) Trích lập các quỹ theo quy định hiện hành của pháp luật.

2. Mức cổ tức, hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty và tỷ lệ trích lập các quỹ do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo đề nghị của HĐQT.

Điều 41. Cổ tức

1. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty nhưng không được vượt quá mức HĐQT đề nghị và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

2. HĐQT có thể quyết định thanh toán tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.

3. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

4. HĐQT có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc từng phần cổ tức bằng cổ phiếu và HĐQT là cơ quan thực thi nghị quyết này. Công ty có thể chi trả cổ tức bằng cổ phần, trình tự và thủ tục thực hiện chi trả cổ tức bằng cổ phần thực hiện theo quy định tại Luật doanh nghiệp và các văn bản pháp luật có liên quan.

5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty sẽ phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

6. Căn cứ Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, HĐQT thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

7. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận thực hiện theo quy định của pháp luật.

Chương VII:

CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH VÀ KẾ TOÁN

Điều 42. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty sẽ mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 43. Nguồn bổ sung vốn điều lệ

Công ty được bổ sung vốn điều lệ từ các nguồn theo quy định, trình tự và thủ tục bổ sung vốn điều lệ Công ty thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 44. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng Mười Hai cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng Mười Hai của năm đó, nếu lớn hơn 90 ngày; trường hợp nhỏ hơn 90 ngày thì được cộng vào năm tài chính tiếp theo.

Điều 45. Hệ thống kế toán

1. Hệ thống kế toán Công ty sử dụng là Hệ thống kế toán Việt Nam (VAS) và hệ thống kế toán áp dụng trong Tập đoàn công nghiệp than - khoáng sản Việt Nam được Bộ Tài chính chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng Đồng Việt Nam (hoặc ngoại tệ tự do chuyển đổi trong trường hợp được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận) làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

Chương VIII:

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Điều 46. Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý

1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 49 Điều lệ này, và trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán, cơ quan đăng ký kinh doanh và Tập đoàn công nghiệp than - khoáng sản Việt Nam.

2. Báo cáo tài chính hàng năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính và bảng cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. Trường hợp Công ty là một công ty mẹ, ngoài báo cáo tài chính năm, Công ty còn phải lập bảng cân đối kế toán tổng hợp về tình hình hoạt động của Công ty và các công ty con vào cuối mỗi năm tài chính.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo sáu tháng và hàng quý theo các quy định của Ủy ban chứng khoán Nhà nước và nộp cho Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và Tập đoàn công nghiệp than - khoáng sản Việt Nam.

4. Bản tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán phải được gửi tới tất cả các cổ đông. Trường hợp Công ty có website riêng, các báo cáo tài chính được kiểm toán, báo cáo quý và sáu tháng của Công ty phải được công bố trên website đó.

5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền sao chụp bản báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và hàng quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 47. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

Điều 48. Công khai thông tin

Công ty phải lập và công bố công khai thông tin theo quy định tại Điều 171 của Luật doanh nghiệp.

Chương IX: KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 49. Kiểm toán

1. Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên sẽ chỉ định một công ty kiểm toán độc lập, hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho HĐQT quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính năm phản ánh các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho HĐQT trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Một bản sao của Báo cáo kiểm toán sẽ phải được gửi đính kèm với mỗi bản báo cáo kế toán hàng năm của Công ty.

4. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà mọi cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại Đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

Chương X: CON DẤU

Điều 50. Con dấu

1. HĐQT thông qua một con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp.

2. HĐQT, Giám đốc Công ty sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

Chương XI: CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 51. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:

- a) Tòa án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
- b) Giải thể theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- c) Các trường hợp khác do pháp luật quy định.

2. Việc giải thể Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo đến cơ quan có thẩm quyền hoặc xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu thủ tục chấp thuận này là bắt buộc theo quy định).

Điều 52. Thanh lý

1. Ít nhất sáu (6) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công ty, HĐQT phải thành lập Ban thanh lý gồm 3 thành viên. Hai thành viên trong đó do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một thành viên do HĐQT chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày mà Ban được thành lập và ngày bắt đầu hoạt động trên thực tế. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:

- a) Các chi phí thanh lý;
- b) Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;
- c) Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước;
- d) Các khoản vay (nếu có);
- đ) Các khoản nợ khác của Công ty;
- e) Số dư còn lại sau khi đã thanh toán mọi khoản nợ từ mục a đến đ trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.

Chương XII:

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 53. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:

- a) Cổ đông với Công ty; hoặc
- b) Cổ đông với HĐQT, Ban kiểm soát, Giám đốc Công ty hay cán bộ quản lý;

thì các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới HĐQT hay Chủ tịch HĐQT thì Chủ tịch Hội đồng sẽ chủ trì

việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới HĐQT hay Chủ tịch HĐQT, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Ban kiểm soát hoặc một cơ quan chức năng chuyên môn chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 6 tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.

3. Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Các chi phí của tòa án sẽ do tòa phán quyết bên nào phải chịu.

Chương XIII: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 54. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Điều 55. Hiệu lực thi hành

1. Bản Điều lệ này gồm XIII chương và 55 điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin nhất trí thông qua ngày 22 tháng 04 năm 2016 tại Công ty Cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin, số 185 Nguyễn Văn Cừ, Phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau, trong đó:

- 05 bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố;
- 05 bản lưu trữ tại Văn phòng Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc ít nhất 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị./.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Phạm Trung Tuấn

Số: 13 / BC- ĐHCĐ

Quảng Ninh, ngày 22 tháng 04 năm 2016

BÁO CÁO ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2016
Về việc Sở hữu chứng khoán của Nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty

Kính gửi: Quý vị cổ đông.

Thực hiện quy định của Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2014 và có hiệu lực từ ngày 01/07/2015; Thông tư số 123/2015/TT-BTC ngày 18/08/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam;

Căn cứ ngành nghề kinh doanh của Công ty và ý kiến chỉ đạo của Tập đoàn CN Than - Khoáng sản Việt Nam tại văn bản số 1559/TKV-TCNS ngày 08/04/2016 về tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư nước ngoài như sau:

Tỷ lệ sở hữu cổ phần của Nhà đầu tư nước ngoài tối đa là 35% vốn điều lệ của Công ty.

Xin ý kiến của Đại hội./.

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS
- Các cổ đông
- Lưu: VP; TKCT

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Phạm Trung Tuấn

Số: 14 / BC- ĐHCĐ

Quảng Ninh, ngày 22 tháng 04 năm 2016

TỜ TRÌNH
Về việc lựa chọn Công ty Kiểm toán độc lập
Kiểm toán Báo cáo tài chính Công ty năm 2016

Căn cứ Luật Doanh nghiệp đã được Quốc hội thông qua.

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Than Vàng Danh- VINACOMIN được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

Căn cứ văn bản 6280/TKV- KSNB-KT ngày 22/12/2015 của Tổng Giám đốc Tập CN Than- KS Việt Nam về việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập, Kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2016.

Thực hiện chức năng nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát.

Ban kiểm soát Công ty xin báo cáo trước Đại hội về việc lựa chọn một số Công ty kiểm toán độc lập có đủ điều kiện Kiểm toán BCTC năm 2016 của Công ty như sau:

1.Tên các Công ty kiểm toán lựa chọn:

1.1. Công ty TNHH Kiểm toán BDO, Trụ sở chính: Số 243A - Đê La Thành - Quận Đống Đa - Hà Nội

1.2.Công ty TNHH hãng Tư vấn Tài chính kế toán và Kiểm toán(AASC), trụ sở: Số 01 Lê Phụng Hiểu Hà Nội.

2.Nội dung kiểm toán: Kiểm toán báo cáo tài chính 6 tháng và cả năm 2016 của Công ty; Kiểm toán các nội dung khác khi Công ty yêu cầu.

3. Ban kiểm soát xin đề xuất Đại hội lựa chọn công ty kiểm toán sau:

Công ty TNHH Kiểm toán BDO là một trong những Công ty kiểm toán độc lập được hội kiểm toán Việt Nam (VACPA) xác nhận trong danh sách các đơn vị đăng ký hành nghề Tư vấn và Kiểm toán, được Ủy ban chứng khoán Nhà Nước chấp thuận là tổ chức Kiểm toán độc lập được kiểm toán cho các Doanh nghiệp SXKD tại Quyết định số 779/QĐ - UBCK ngày 27/11/2008.

Ban kiểm soát Công ty xét thấy Công ty TNHH Kiểm toán BDO là đơn vị có đủ năng lực cung cấp dịch vụ tư vấn Tài chính kế toán và kiểm toán năm 2016 cho Công ty đảm bảo mọi quy định theo Nghị định số 17/2012/NĐ-CP của Chính phủ về việc hướng dẫn thi hành Luật kiểm toán độc lập.

Ban kiểm soát Công ty kính trình các Quý vị cổ đông xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS
- Các cổ đông
- Lưu: VP; TKCT

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

Phạm Xuân Vinh